

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/03/2018

MỤC LỤC

| | <u>Trang</u> |
|---|--------------|
| BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC | 1 - 2 |
| BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP | 3 - 5 |
| BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN | |
| Bảng Cân đối kế toán hợp nhất | 6 - 7 |
| Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất | 8 |
| Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất | 9 |
| Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất | 10 - 39 |
| Phụ lục 01 | 40 - 44 |
| Phụ lục 02 | 45 - 46 |

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Tổng Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/03/2018.

TỔNG CÔNG TY

Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng tiền thân là Doanh nghiệp Nhà Nước được thành lập theo Quyết định số 2410/QĐ-BXD ngày 30/12/2005 và số 1219/QĐ-BXD ngày 25/08/2006 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng trên cơ sở tổ chức lại Tổng Công ty Xây dựng Sông Hồng theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 110561 do Sở kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Phú Thọ cấp và chính thức chuyển đổi thành Tổng Công ty Cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế Công ty Cổ phần số 2600104283 đăng ký lần đầu ngày 02/06/2010. Và đã được thay đổi lần 4 ngày 03/08/2016 theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp với mã số doanh nghiệp là 2600104283.

Tên Tổng Công ty bằng tiếng Anh là : SONG HONG CORPORATION.
Tên viết tắt là : SHC
Vốn điều lệ của Tổng Công ty là : 270.000.000.000 VND (hai trăm bảy mươi tỷ đồng).

Trụ sở chính của Tổng Công ty: Số 70, phố An Dương, phường Yên Phụ, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập Báo cáo này bao gồm:

| | | |
|--------------------------|---------------------|--------------|
| Hội đồng Quản trị | Ông Trần Huyền Linh | Chủ tịch |
| | Ông Lê Xuân Thi | Phó Chủ tịch |
| | Ông Phạm Văn Nghĩa | Thành viên |
| | Ông Lã Tuấn Hưng | Thành viên |
| | Ông Phan Việt Anh | Thành viên |

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Tổng Công ty trong kỳ và tại ngày lập Báo cáo này bao gồm:

| | | |
|--------------------------|---------------------|-------------------|
| Ban Tổng Giám đốc | Ông Lã Tuấn Hưng | Tổng Giám đốc |
| | Ông Nguyễn Đức Toàn | Phó Tổng Giám đốc |
| | Ông Phan Việt Anh | Phó Tổng Giám đốc |

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Tổng Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/03/2018.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/03/2018 của Tổng Công ty được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất để Báo cáo tài chính hợp nhất không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất được lập phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty tại thời điểm ngày 31/03/2018, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/03/2018, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



Lã Tuấn Hưng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 02 tháng 06 năm 2018

Số. 548 /2018/BCKT-BCTCHN/CPA VIETNAM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬPVề Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/03/2018
của Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng được lập ngày 02 tháng 06 năm 2018, từ trang 06 đến trang 39, bao gồm: Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 03 năm 2018, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/03/2018.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Chúng tôi không thu thập được đầy đủ thư xác nhận các khoản nợ phải thu, phải trả của Tổng Công ty tại thời điểm 31/12/2017 và 31/03/2018. Chúng tôi cũng đã thực hiện các thủ tục kiểm toán thay thế nhưng vẫn không thể khẳng định được tính hiện hữu đầy đủ của các khoản công nợ phải thu, phải trả chưa được xác nhận tại thời điểm 31/12/2017 và 31/03/2018 cùng với giá trị lần lượt là 193,2 tỷ đồng và 201,3 tỷ đồng. Do đó chúng tôi cũng không thể đánh giá được ảnh hưởng của vấn đề nêu trên đối với Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/03/2018 của Tổng Công ty;

Do cách thức quản lý của Tổng Công ty nên kiểm toán viên đã không thể tham gia chứng kiến kiểm kê tiền mặt và hàng tồn kho tại thời điểm 31 tháng 03 năm 2018 của một số Công ty con. Với các thông tin đã được cung cấp và bằng các thủ tục kiểm toán thay thế đã thực hiện, chúng tôi vẫn không thể đánh giá tính hiện hữu và đầy đủ của các khoản mục này trên Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng Công ty với giá trị tại ngày 31/03/2018 là: Tiền mặt: 5,2 tỷ đồng và Hàng tồn kho: 206,7 tỷ đồng. Do đó, chúng tôi cũng không thể đánh giá được ảnh hưởng của vấn đề nêu trên đối với Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 03 năm 2018 của Tổng Công ty.

Tại ngày 31/12/2017 và 31/03/2018, Tổng Công ty đang phản ánh trên khoản mục chi phí sản xuất kinh doanh dở dang một số công trình đã ghi nhận hết doanh thu với số tiền là 9.805.971.923 đồng; Số dư hàng hóa tồn kho tại 31/03/2018 là 243.372.378 đồng không có hàng hóa tồn kho thực tế. Nếu điều chỉnh số liệu này thì kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Tổng Công ty giảm đi 10.049.344.301 đồng.

Tại ngày 31/03/2018, một số Công ty con của Tổng Công ty đang theo dõi nợ phải thu khách hàng, phải thu khác với tổng số tiền là 39,27 tỷ đồng, có dấu hiệu khó có khả năng thu hồi nhưng chưa được đánh giá giá trị tồn thất dự kiến và ghi nhận dự phòng nợ phải thu khó đòi. Theo đó, Kiểm toán viên ước tính, kỳ hoạt động từ 01/01/2018 đến ngày 31/03/2018 một số Công ty con của Tổng Công ty trích lập dự phòng phải thu khó đòi thiếu là 31,81 tỷ đồng và kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ giảm với số tiền tương ứng.

Tại thời điểm 31/03/2018, Tổng Công ty không thu thập được báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2018 của Công ty Cổ phần Sông Hồng Đà Nẵng - Công ty con của Tổng Công ty. Số liệu được sử dụng để lập Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty đang lấy theo số trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 của Công ty Cổ phần Sông Hồng Đà Nẵng. Do giới hạn trong việc thực hiện các thủ tục kiểm toán thay thế, chúng tôi không thể đưa ra ý kiến về giá trị của tổng tài sản và nợ phải trả của Công ty con này với tổng số tiền tại 31/12/2017 lần lượt là 50,98 tỷ đồng và 62,06 tỷ đồng và ảnh hưởng của chúng đến kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/03/2018 của Tổng Công ty.

Tổng Công ty đã cho bà Lê Thị Minh Nguyệt và Công ty Cổ phần Địa ốc Sông Hồng thuê phần diện tích tạm tính của khu văn phòng và khu dịch vụ thuộc dự án Nhà ở cao tầng I1, I2, I3 và văn phòng cho thuê Thành Công 2 mà Tổng Công ty đang trình bày trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất là tài sản xây dựng cơ bản dở dang (giá trị tài sản dở dang tạm tính là 23,73 tỷ đồng). Trong đó: giá trị cho Bà Lê Thị Minh Nguyệt thuê được phản ánh ở chỉ tiêu người mua trả tiền trước ngắn hạn trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất là 21,45 tỷ đồng; giá trị cho Công ty Cổ phần Địa ốc Sông Hồng thuê được phản ánh ở chỉ tiêu Doanh thu chưa thực hiện dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất là 54,97 tỷ đồng. Hiện nay, thủ tục quyết toán dự án chưa hoàn tất nên Tổng công ty chưa hạch toán tăng bất động sản đầu tư, chưa ghi nhận doanh thu, giá vốn từ các giao dịch này. Chúng tôi đã thực hiện các thủ tục kiểm toán cần thiết nhưng vẫn không thể đánh giá được ảnh hưởng của các vấn đề này đến Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/03/2018 của Tổng Công ty.

Ban điều hành dự án DH 1.6 đã thông báo ngừng hoạt động của Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Quảng Bình từ ngày 20/10/2015, Văn phòng Tổng Công ty chưa thu thập được Báo cáo tài chính của Ban DH 1.6 tại thời điểm 31/03/2018, số liệu lấy theo Báo cáo tài chính năm 2015 với số dư Tổng tài sản là 771.807.613 đồng. Chúng tôi không đánh giá được các ảnh hưởng của các khoản mục liên quan đến Báo cáo tài chính của đơn vị này tại Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2018 ngày 31/03/2018 của Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng.

Tổng Công ty không trình bày số liệu doanh thu, chi phí giai đoạn từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/03/2017 trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Tổng Công ty không trình bày số liệu lưu chuyển tiền giai đoạn từ ngày 01/01/2017 đến 31/03/2017 trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ. Theo đó, kiểm toán viên không đưa ra ý kiến về doanh thu, chi phí và lưu chuyển tiền giai đoạn từ ngày 01/01/2017 đến 31/03/2017 trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ kèm theo.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 03 năm 2018 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/03/2018, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc các vấn đề sau:

Như đã trình bày tại thuyết minh số 6.2 Thông tin khác, phần Thuyết minh Báo cáo tài chính: Dự án Xây dựng nhà ở cao tầng I1, I2, I3 và văn phòng cho thuê Thành Công 2 - Thái Hà được thực hiện theo hợp đồng kinh tế số 07/HĐKT-2008 ngày 03/04/2008 giữa Tổng Công ty và Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Sông Hồng đã hoàn thành đưa vào sử dụng. Tuy nhiên, tới ngày phát hành Báo cáo này Dự án vẫn chưa hoàn thành thủ tục quyết toán dự án đầu tư hoàn thành và xác định kết quả phân chia giữa các bên tham gia hợp tác đầu tư. Theo Biên bản tạm xác nhận lợi nhuận đầu tư dự án đã ký giữa Ban Quản lý Dự án Thái Hà, Tổng Công ty và Công ty Cổ phần Địa ốc Sông Hồng ngày 19/06/2015 thì lợi nhuận tạm phân chia từ việc bán căn hộ chung cư cho Tổng Công ty được xác định là 103,92 tỷ đồng. Tổng Công ty đã tạm hạch toán lợi nhuận từ phần bán căn hộ của Dự án là 103,92 tỷ đồng.

Như đã trình bày tại đoạn thứ ba, thuyết minh số 6.2 Thông tin khác, phần Thuyết minh Báo cáo tài chính: Tổng Công ty CP Sông Hồng đã ký hợp đồng xây dựng công trình Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng I với Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam theo Hợp đồng số 280909/LILAMA-SHC ngày 28/09/2009. Do có thay đổi về thiết kế và đơn giá, Tổng Công ty và tổng thầu là Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam đang làm việc để đối chiếu khối lượng phát sinh mà Tổng Công ty đã thực hiện. Đồng thời, các khoản chi phí lãi vay phải thu lại từ các nhà thầu phụ liên quan cũng sẽ được điều chỉnh khi Tổng Công ty thống nhất được với các nhà thầu phụ.

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 5.18 và Phụ lục 01 – Bổ sung thông tin thuyết minh biến động Vốn chủ sở hữu, đơn vị trực thuộc của Tổng Công ty là Trường Trung cấp Kỹ thuật – Nghiệp vụ Sông Hồng đã được bàn giao về Bộ Xây dựng theo Biên bản bàn giao ngày 25/07/2016. Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2017 của Tổng Công ty đã thông qua phương án hoàn trả vốn góp, giảm Vốn điều lệ do bàn giao Trường về Bộ Xây dựng và bổ sung vốn góp còn thiếu sau khi bàn giao Trường. Trong quý I năm 2018, Tổng Công ty đã thực hiện thành công việc chào bán cổ phiếu riêng lẻ để bổ sung 65,2 tỷ đồng tiền vốn đối với phần vốn Nhà nước giảm sau bàn giao. Theo công văn số 184/BXD-KHTC ngày 30/05/2018 của Bộ Xây dựng về việc xác nhận vốn Nhà nước tại Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng khi bàn giao Trường Trung cấp Kỹ thuật – Nghiệp vụ Sông Hồng về Bộ xây dựng quản lý theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, vốn Nhà nước trong vốn điều lệ của Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng giảm từ 197.631,78 triệu đồng xuống còn 132.412 triệu đồng.

Như trình bày tại Thuyết minh Hoạt động liên tục phần Thuyết minh số 4 – Các chính sách kế toán áp dụng, tại ngày 31/03/2018, Công ty mẹ lỗ lũy kết là 462,97 tỷ đồng, vượt quá vốn chủ sở hữu 135,5 tỷ đồng, kết quả hoạt động kinh doanh năm 2017 và quý I năm 2018 âm, nợ ngắn hạn vượt quá tài sản ngắn hạn là 264 tỷ đồng. Những điều kiện này, cùng những vấn đề khác được nêu trong Thuyết minh 6.2, 6.3, 6.4 cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Tổng Công ty.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được kiểm toán và kiểm toán viên đã đưa ra Báo cáo kiểm toán ký ngày 01 tháng 06 năm 2018 có ý kiến dạng ngoại trừ. Các vấn đề ngoại trừ tại báo cáo kiểm toán hợp nhất cho năm tài chính 2017 vẫn tiếp tục ảnh hưởng tới báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/03/2018 và được trình bày chi tiết tại đoạn Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ.



Vũ Ngọc Ân
Phó Tổng Giám đốc
 Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0496-2018-137-1
 Thay mặt và đại diện
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM
Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.
 Hà Nội, ngày 02 tháng 06 năm 2018

Phan Thanh Nam
Kiểm toán viên
 Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1009-2018-137-1

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG

Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/03/2018

Mẫu B 01-DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2018

| | MS | TM | 31/03/2018 | 01/01/2018 |
|---|------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| | | | VND | VND |
| A - TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 1.015.987.339.071 | 1.013.296.821.945 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | 5.1 | 27.619.644.106 | 28.636.117.391 |
| 1. Tiền | 111 | | 27.119.644.106 | 28.636.117.391 |
| 2. Các khoản tương đương tiền | 112 | | 500.000.000 | - |
| II. Đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | | 40.800.000.000 | - |
| 3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 123 | | 40.800.000.000 | - |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 509.528.345.132 | 540.468.515.169 |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | 5.2 | 217.746.665.114 | 247.719.380.666 |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | 5.3 | 299.738.747.581 | 279.538.306.614 |
| 3. Phải thu nội bộ ngắn hạn | 133 | | - | 2.464.037.281 |
| 4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 134 | | - | 1.817.394.361 |
| 5. Phải thu về cho vay ngắn hạn | 135 | | 414.445.095 | 414.445.095 |
| 6. Phải thu ngắn hạn khác | 136 | 5.4 | 186.665.409.757 | 210.414.648.189 |
| 7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 137 | 5.5 | (196.854.316.776) | (201.899.697.037) |
| 8. Tài sản thiếu chờ xử lý | 139 | | 1.817.394.361 | - |
| IV. Hàng tồn kho | 140 | | 415.694.095.593 | 421.450.854.378 |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | 5.6 | 415.694.095.593 | 421.450.854.378 |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 22.345.254.240 | 22.741.335.007 |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | 5.7 | 3.140.045.017 | 3.213.829.290 |
| 2. Thuế GTGT được khấu trừ | 152 | | 13.375.151.870 | 12.750.908.540 |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 153 | 5.14 | 5.830.057.353 | 6.776.597.177 |
| B - TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 470.980.777.766 | 475.895.419.780 |
| I. Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | 279.900.770.081 | 279.663.542.503 |
| 6. Phải thu dài hạn khác | 216 | 5.4 | 279.900.770.081 | 279.663.542.503 |
| II. Tài sản cố định | 220 | | 14.351.702.538 | 19.262.190.495 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | 5.8 | 14.351.702.538 | 19.262.190.495 |
| - Nguyên giá | 222 | | 90.823.104.983 | 107.296.389.167 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 223 | | (76.471.402.445) | (88.034.198.672) |
| 3. Tài sản cố định vô hình | 227 | 5.9 | - | - |
| - Nguyên giá | 228 | | 10.700.000 | 10.700.000 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 229 | | (10.700.000) | (10.700.000) |
| IV. Tài sản dở dang dài hạn | 240 | 5.10 | 73.905.189.270 | 73.899.689.270 |
| 2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 242 | | 73.905.189.270 | 73.899.689.270 |
| V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn | 250 | 5.11 | 84.386.500.170 | 84.386.500.170 |
| 2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh | 252 | | 73.827.386.228 | 73.827.386.228 |
| 3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 253 | | 12.259.113.942 | 12.259.113.942 |
| 4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn | 254 | | (1.700.000.000) | (1.700.000.000) |
| VI. Tài sản dài hạn khác | 260 | | 18.436.615.707 | 18.683.497.342 |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | 5.7 | 18.436.615.707 | 18.527.214.607 |
| 2. Lợi thế thương mại | 269 | | - | 156.282.735 |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN | | | 1.486.968.116.837 | 1.489.192.241.725 |
| (270 = 100+200) | 270 | | | |

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG

Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/03/2018

Mẫu B 01-DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2018

| | MS | TM | 31/03/2018 VND | 01/01/2018 VND |
|---|-------------|------|--------------------------|--------------------------|
| C- NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 1.669.664.651.863 | 1.658.874.410.009 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 1.347.232.777.764 | 1.336.442.535.910 |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | 5.12 | 312.916.108.229 | 312.568.780.675 |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | 5.13 | 164.931.157.649 | 142.064.948.842 |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | 5.14 | 26.721.986.433 | 28.214.422.257 |
| 4. Phải trả người lao động | 314 | | 15.893.383.689 | 15.932.877.104 |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | 5.16 | 386.537.456.621 | 380.774.506.136 |
| 9. Phải trả ngắn hạn khác | 319 | 5.15 | 137.176.671.559 | 99.068.910.844 |
| 10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 320 | 5.18 | 302.838.405.676 | 357.599.708.286 |
| 12. Quỹ khen thưởng phúc lợi | 322 | | 217.607.908 | 218.381.766 |
| II. Nợ dài hạn | 330 | | 322.431.874.099 | 322.431.874.099 |
| 6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn | 336 | 5.17 | 55.170.809.696 | 55.170.809.696 |
| 7. Phải trả dài hạn khác | 337 | 5.15 | 267.142.664.403 | 267.142.664.403 |
| 8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | 338 | 5.18 | 118.400.000 | 118.400.000 |
| D- VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | (182.696.535.026) | (169.682.168.284) |
| I- Vốn chủ sở hữu | 410 | | (182.701.278.026) | (170.748.651.811) |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu | 411 | 5.19 | 270.000.000.000 | 270.000.000.000 |
| - <i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i> | <i>411a</i> | | <i>270.000.000.000</i> | <i>270.000.000.000</i> |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần | 412 | 5.19 | 24.126.376.429 | 24.126.376.429 |
| 3. Vốn khác của chủ sở hữu | 414 | | 1.072.018.933 | - |
| 4. Cổ phiếu quỹ | 415 | 5.19 | (390.000.000) | (390.000.000) |
| 7. Quỹ đầu tư phát triển | 418 | 5.19 | 26.413.502.573 | 27.278.928.479 |
| 8. Quỹ hỗ trợ, sắp xếp doanh nghiệp | 419 | 5.19 | 25.981.000 | 25.981.000 |
| 9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | 420 | 5.19 | 6.158.136.532 | 6.710.417.519 |
| 10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | 5.19 | (493.655.096.446) | (486.716.461.218) |
| - <i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước</i> | <i>421a</i> | | <i>(485.543.006.480)</i> | <i>(434.506.444.719)</i> |
| - <i>LNST chưa phân phối kỳ này</i> | <i>421b</i> | | <i>(8.112.089.966)</i> | <i>(52.210.016.499)</i> |
| 12. Lợi ích cổ đông không kiểm soát | 429 | | (16.452.197.047) | (11.783.894.020) |
| II- Nguồn kinh phí và quỹ khác | 430 | | 4.743.000 | 1.066.483.527 |
| 1. Nguồn kinh phí | 431 | | 4.743.000 | 935.789.083 |
| 2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ | 432 | | - | 130.694.444 |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400) | 440 | | 1.486.968.116.837 | 1.489.192.241.725 |

Hà Nội, ngày 02 tháng 06 năm 2018

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc






Trần Thị Lụa

Nguyễn Thị Nhung

Lã Tuấn Hưng

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG

Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/03/2018

Mẫu B 02-DN/HN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/03/2018

| CHỈ TIÊU | MS | TM | Từ 01/01/2018 | Từ 01/01/2017 |
|---|----|------|-----------------|----------------|
| | | | đến 31/03/2018 | đến 31/03/2017 |
| | | | VND | VND |
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | 5.20 | 11.658.641.710 | |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | | - | |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02) | 10 | | 11.658.641.710 | |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | 5.21 | 11.375.100.837 | |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11) | 20 | | 283.540.873 | |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | 5.22 | 2.724.707.173 | |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | 5.23 | 6.714.082.883 | |
| <i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i> | 23 | | 6.714.082.883 | |
| 8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết | 24 | | - | |
| 9. Chi phí bán hàng | 25 | | 1.000.000 | |
| 10. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | 5.24 | 5.829.043.858 | |
| 11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(25+26)} | 30 | | (9.535.878.695) | |
| 12. Thu nhập khác | 31 | 5.25 | 1.776.630.818 | |
| 13. Chi phí khác | 32 | 5.25 | 352.842.089 | |
| 14. Lợi nhuận khác (40 = 31-32) | 40 | | 1.423.788.729 | |
| 15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40+45) | 50 | | (8.112.089.966) | |
| 16. Chi phí thuế TNDN hiện hành | 51 | | - | |
| 18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52) | 60 | | (8.112.089.966) | |
| 19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ | 61 | | (7.451.610.938) | |
| 20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát | 62 | | (660.479.028) | |
| 21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | 5.26 | (276) | |

Hà Nội, ngày 02 tháng 06 năm 2018

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Trần Thị Lua

Nguyễn Thị Nhung

Lã Tuấn Hưng

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG

Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/03/2018

Mẫu B 03-DN/HN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/03/2018

| CHỈ TIÊU | MS | Từ 01/01/2018 | Từ 01/01/2017 |
|---|-----------|-------------------------|----------------|
| | | đến 31/03/2018 | đến 31/03/2017 |
| | | VND | VND |
| I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh | | | |
| 1. Lợi nhuận trước thuế | 01 | (8.112.089.966) | |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản | | | |
| - Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư | 02 | 1.460.673.360 | |
| - Các khoản dự phòng | 03 | (5.045.380.261) | |
| - Lãi lỗ từ hoạt động đầu tư | 05 | (2.724.707.173) | |
| - Chi phí lãi vay | 06 | 6.714.082.883 | |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | 08 | (7.707.421.157) | |
| - Tăng giảm các khoản phải thu | 09 | (36.914.378.031) | |
| - Tăng giảm hàng tồn kho | 10 | 5.756.758.785 | |
| - Tăng giảm các khoản phải trả | 11 | 62.256.956.855 | |
| - Tăng giảm chi phí trả trước | 12 | 164.383.173 | |
| - Tiền lãi vay đã trả | 14 | (1.996.467.545) | |
| - Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh | 17 | - | |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | 21.559.832.080 | |
| II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư | | | |
| 1. Tiền chi để mua sắm xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác | 21 | - | |
| 2. Tiền thu từ thanh lý nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác | 22 | 6.500.000.000 | |
| 3. Tiền chi cho vay mua các công cụ nợ của đơn vị khác | 23 | (47.300.000.000) | |
| 5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 25 | (74.401.818) | |
| 6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 26 | 7.620.893.100 | |
| 7. Tiền thu lãi cho vay cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | 218.725.963 | |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | (33.034.782.755) | |
| III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính | | | |
| 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu nhận vốn góp của chủ sở hữu | 31 | 65.219.780.000 | |
| 3. Tiền thu từ đi vay | 33 | 410.000.000 | |
| 4. Tiền chi trả nợ gốc vay | 34 | (55.171.302.610) | |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | 10.458.477.390 | |
| Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40) | 50 | (1.016.473.285) | |
| Tiền và tương đương tiền đầu kỳ | 60 | 28.636.117.391 | |
| Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61) | 70 | 27.619.644.106 | |

Hà Nội, ngày 02 tháng 06 năm 2018

Người lập

Kế toán trưởng







Tổng Giám đốc



Trần Thị Lụa

Nguyễn Thị Nhung

Lã Tuấn Hưng

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG

Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/03/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU B 09 - DN/HN

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng tiền thân là Doanh nghiệp Nhà Nước được thành lập theo Quyết định số 2410/QĐ-BXD ngày 30/12/2005 và số 1219/QĐ-BXD ngày 25/08/2006 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng trên cơ sở tổ chức lại Tổng Công ty Xây dựng Sông Hồng theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 110561 do Sở kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Phú Thọ cấp và chính thức chuyển đổi thành Tổng Công ty Cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế Công ty Cổ phần số 2600104283 đăng ký lần đầu ngày 02/06/2010. Và đã được thay đổi lần 4 ngày 03/08/2016 theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp với mã số doanh nghiệp là 2600104283.

Tên Tổng Công ty bằng tiếng Anh là : SONG HONG CORPORATION.

Tên viết tắt là : SHC

Vốn điều lệ của Tổng Công ty là : 270.000.000.000 VND (hai trăm bảy mươi tỷ đồng).

Trụ sở chính của Tổng Công ty tại: Số 70, phố An Dương, phường Yên Phụ, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội.

Số lao động bình quân trong quý I năm 2018 là 70 người.

1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan;
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật.

Hoạt động chính của Tổng Công ty trong kỳ: Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG

Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/03/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

1.3. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2018, Tổng Công ty có các Công ty con, Công ty liên kết và đơn vị trực thuộc như sau:

| Tên công ty, đơn vị | % sở hữu theo cam kết | % sở hữu thực tế |
|---|---|-------------------------|
| Đầu tư vào Công ty con | | |
| Công ty Cổ phần Sông Hồng Thăng Long | 55,73% | 55,73% |
| Công ty Cổ phần Sông Hồng Đà Nẵng | 76,37% | 76,37% |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Reenco Sông Hồng | 65,63% | 65,63% |
| Công ty CP Tư vấn và Xây dựng Đô thị Sông Hồng | 57,08% | 57,08% |
| Công ty TNHH MTV Cơ giới và Xây dựng Sông Hồng | 100,00% | 100,00% |
| Công ty TNHH MTV Sông Hồng An Dương | 100,00% | 100,00% |
| Đầu tư vào Công ty liên doanh liên kết | | |
| Công ty Cổ phần Xây dựng Số 1 Sông Hồng | 43,25% | 43,25% |
| Công ty Cổ phần Năng lượng Sông Hồng | 48,91% | 48,91% |
| Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Sông Hồng | 21,00% | 21,00% |
| Công ty Cổ phần Sông Hồng 8 (Metroco Sông Hồng) | 22,39% | 22,39% |
| Công ty Cổ phần Đầu tư TM và Xây dựng CT Giao thông Hà Nội | 22,51% | 22,51% |
| Công ty Cổ phần Sông Hồng 36 | 48,75% | 48,75% |
| Công ty Cổ phần Sông Hồng Bình Tây | 62,81% | 62,81% |
| Công ty Cổ phần Sông Hồng Tây Đô | 45,45% | 45,45% |
| Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Sông Hồng 9 | 13,33% | 13,33% |
| Công ty Cổ phần Thép Sông Hồng | 32,90% | 32,90% |
| Công ty Cổ phần Đầu tư và KD Bất động sản Hà Nội Sông Hồng | 22,51% | 22,51% |
| Công ty Cổ phần Sông Hồng Miền Trung | 35,50% | 35,50% |
| Công ty Cổ phần Sông Hồng Sài Gòn | 37,98% | 37,98% |
| Tổng Công ty có các đơn vị trực thuộc sau: | | Địa chỉ |
| Văn phòng Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng | Số 70 An Dương, phường Yên Phụ, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội | |
| Ban điều hành Dự án Xây dựng gói thầu DH 1.6 | Tiểu khu 11, phường Nam Lý, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình | |
| Ban điều hành thi công gói thầu số 3 – Dự án thoát nước Hà Nội | Số 5/158 Hoàng Văn Thái, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội | |
| Ban quản lý dự án Khu nhà ở cho cán bộ Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia Việt Nam | Số 70 An Dương, phường Yên Phụ, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội | |
| Ban điều hành Dự án Xây dựng Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 | Thôn Hải Phong, xã Kỳ Lợi, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh | |

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG

Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/03/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

2. NĂM TÀI CHÍNH/ KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Tổng Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/03/2018.

Hình thức kế toán áp dụng

Tổng Công ty sử dụng hình thức kế toán: Nhật ký chung.

Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Hoạt động liên tục

Tại ngày 31/03/2018, Công ty mẹ lũy kết là 456,8 tỷ đồng, vượt quá vốn chủ sở hữu 186,8 tỷ đồng, kết quả hoạt động kinh doanh năm 2017 và quý I năm 2018 âm, nợ ngắn hạn vượt quá tài sản ngắn hạn là 257,8 tỷ đồng, các khoản nợ ngân hàng phần lớn đã quá hạn ảnh hưởng tới việc huy động vốn duy trì hoạt động của Tổng Công ty. Để khắc phục tình trạng này, Ban Tổng giám đốc đã thực hiện các biện pháp:

- Đàm phán với Ngân hàng gia hạn nợ, miễn giảm lãi vay.
- Tái cơ cấu Tổng Công ty thông qua việc chuyển nhượng phần vốn tại các công ty con, công ty liên kết. Cụ thể, tại Văn bản số 39/TCT-HĐQT ngày 16/5/2017 của Hội đồng quản trị về việc báo cáo "Phương án tái cấu trúc Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng giai đoạn 2017 – 2020" với các nội dung chính: Tái cấu trúc tài chính, tái cấu trúc vốn và sở hữu tại các công ty con, tái cấu trúc các khoản đầu tư.
- Tích cực quyết toán các công trình tồn đọng và thu hồi công nợ.
- Tăng vốn điều lệ thêm 180 tỷ đồng theo Nghị quyết Đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 số 44/NQ-ĐHĐCĐ ngày 19/5/2017 bằng cách phát hành cổ phiếu phổ thông.

Bằng các biện pháp trên, cùng với sự hỗ trợ của Cổ đông lớn là Bộ Xây dựng, Ban Tổng giám đốc tin tưởng rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động trong tương lai.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty được lập phù hợp với thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính về Hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, cụ thể:

Báo cáo tài chính hợp nhất các Báo cáo tài chính của Tổng Công ty và Báo cáo tài chính của các Công ty do Tổng Công ty kiểm soát (các Công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 03 năm 2018. Việc kiểm soát này đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi nhuận từ hoạt động của các Công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các Công ty con được mua lại hoặc bán trong năm được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày việc thu mua có hiệu lực hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở Công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các Công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Tổng Công ty và các Công ty con khác là giống nhau.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của Công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông Công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của Công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua Công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế kinh doanh. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua Công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn) và Tiền đang chuyển

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu-chi.

Tiền đang chuyển: Dựa vào các lệnh chuyển tiền chưa có giấy báo Nợ và giấy nộp tiền chưa có giấy báo Có.

Các khoản tương đương tiền: Là các khoản đầu tư ngắn hạn, tiền gửi có kỳ hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, gửi tiền có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc và được xác định theo giá trị hợp lý căn cứ vào khả năng thu hồi của khoản đầu tư.

Tất cả các khoản đầu tư được phân loại là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ sẽ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh liên kết và đầu tư khác

Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh: Các khoản đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh mà trong đó Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Tuy nhiên do chưa thu thập đầy đủ các báo cáo tài chính của các công ty liên kết tại thời điểm 31/03/2018 nên tại báo cáo này, các khoản đầu tư được trình bày theo Phương pháp giá gốc.

Các khoản đầu tư khác: Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Đối với các khoản đầu tư khác, việc trích lập dự phòng tổn thất căn cứ vào giá trị hợp lý của khoản đầu tư tại thời điểm trích lập, trong trường hợp không xác định được giá trị hợp lý việc lập dự phòng căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Tổng Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết). Khoản phải thu này gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác. Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC
CÔNG NGHIỆP
HÀ NỘI

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập Dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình và vô hình

Tổng Công ty quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25/04/2013; thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều thông tư 45/2013/TT-BTC do Bộ tài chính ban hành; Thông tư 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều thông tư 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 147/2016/TT-BTC của Bộ tài chính.

a. Nguyên tắc kế toán**Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định ghi nhận ban đầu bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất: là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới diện tích đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ ...

Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Phần mềm tin học được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

b. Phương pháp khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

| | <u>Số năm</u> |
|---------------------------|---------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc | 10-15 |
| Máy móc và thiết bị | 03-08 |
| Phương tiện vận tải | 06-10 |
| Thiết bị, dụng cụ quản lý | 03-08 |

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước: được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ vào thời gian trả trước của từng hợp đồng.

Chi phí trả trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo thời gian thuê (đối với chi phí thuê nhà, thuê đất, thuê hoạt động,...), theo thời gian sử dụng hữu ích nhưng không quá 03 năm (với công cụ dụng cụ xuất dùng).

Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán : gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Tổng Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Tổng Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết). Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác).
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.
- Phải trả nội bộ gồm các khoản phải trả các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm: doanh thu nhận trước (như: số tiền thu trước của khách hàng trong nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản, cơ sở hạ tầng, khoản lãi nhận trước khi cho vay vốn hoặc mua các công cụ nợ); và các khoản doanh thu chưa thực hiện khác (như: khoản chênh lệch giữa giá bán hàng trả chậm, trả góp theo cam kết với giá bán trả tiền ngay, khoản doanh thu tương ứng với giá trị hàng hóa, dịch vụ hoặc số phải chiết khấu giảm giá cho khách hàng trong chương trình khách hàng truyền thống...); không bao gồm: tiền nhận trước của người mua mà Công ty chưa cung cấp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ; doanh thu chưa thu được tiền của hoạt động cho thuê tài sản, cung cấp dịch vụ nhiều kỳ.

Doanh thu nhận trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng căn cứ trên số kỳ đã thu tiền trước.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ thuê tài chính

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Tổng Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Tổng Công ty.

Lợi nhuận sau thuế của Tổng Công ty được chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Đại Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Tổng Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Tổng Công ty.

Các quỹ thuộc Vốn chủ sở hữu được trích lập dựa trên Điều lệ của Tổng Công ty.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Tổng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán hợp nhất của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác (Tiếp theo)

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng không thể ước tính một cách đáng tin cậy, trường hợp Công ty có thể thu hồi được các khoản chi phí của hợp đồng đã bỏ ra thì doanh thu được ghi nhận chỉ tới mức các chi phí đã bỏ ra có khả năng thu hồi. Khi đó, không một khoản lợi nhuận nào được ghi nhận, kể cả khi tổng chi phí thực hiện hợp đồng có thể vượt quá tổng doanh thu của hợp đồng.

Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Tổng Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư bán trong năm (kể cả chi phí khấu hao; chi phí sửa chữa; chi phí nghiệp vụ cho thuê BĐS đầu tư theo phương thức cho thuê hoạt động, chi phí nhượng bán, thanh lý BĐS đầu tư...) được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong năm.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

- Các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính:

- Lỗ do góp vốn đầu tư ra bên ngoài: Được ghi nhận theo nguyên tắc thực tế phát sinh.
- Lỗ đầu tư chứng khoán : Được lập cho từng loại chứng khoán được niêm yết và chưa niêm yết trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách.

- Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.
- Chi phí góp vốn liên doanh liên kết, chuyển nhượng chứng khoán: theo thực tế phát sinh.
- Chi phí lỗ tỷ giá hối đoái: Được ghi nhận khi có sự chênh lệch giữa tỷ giá giao dịch thực tế và tỷ giá ghi sổ kế toán và khi có phát sinh lỗ khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong năm tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu Báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu Báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các Công ty, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Tổng Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tổng Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Tổng Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc, viên chức của Tổng Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Tổng Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Tổng Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Tổng Giám đốc cho rằng Tổng Công ty hoạt động trong một bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác và hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam. Do đó, Tổng Công ty không lập Báo cáo bộ phận.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG

Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/03/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

| | 31/03/2018 VND | 01/01/2018 VND |
|--|-----------------------|-----------------------|
| Tiền mặt | 5.409.942.835 | 4.603.871.140 |
| Tiền gửi ngân hàng | 21.709.701.271 | 24.032.246.251 |
| Các khoản tương đương tiền | 500.000.000 | - |
| - Tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng | 500.000.000 | - |
| Tổng | 27.619.644.106 | 28.636.117.391 |

5.2 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

| | 31/03/2018 VND | 01/01/2018 VND |
|--|------------------------|------------------------|
| Ban quản lý Dự án ĐTPT Giao thông đô thị Hà Nội | 15.573.392.500 | 15.573.392.500 |
| Sở Văn Hóa thể thao du lịch Tỉnh Nam Định | 20.081.781.282 | 20.081.781.282 |
| BQL dự án Cung quy hoạch, hội chợ và triển lãm tỉnh Quảng Ninh | 27.762.039.000 | 27.762.039.000 |
| Các đối tượng khác | 154.329.452.332 | 184.302.167.884 |
| Tổng | 217.746.665.114 | 247.719.380.666 |

5.3 Trả trước cho người bán ngắn hạn

| | 31/03/2018 VND | 01/01/2018 VND |
|---|------------------------|------------------------|
| Công ty CP Sông Hồng Đà Nẵng (Sông Hồng 24) | 43.574.509.655 | 43.574.509.655 |
| Công ty CP Sông Hồng Sài Gòn | 126.390.086.131 | 126.390.086.131 |
| Các đối tượng khác | 129.774.151.795 | 109.573.710.828 |
| Tổng | 299.738.747.581 | 279.538.306.614 |

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG

Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/03/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

5.4 Các khoản phải thu khác

Đơn vị tính: VND

| | 31/03/2018 | | 01/01/2018 | |
|--|------------------------|-------------------------|------------------------|-------------------------|
| | Giá trị ghi sổ | Dự phòng | Giá trị ghi sổ | Dự phòng |
| Ngắn hạn | 186.665.409.757 | (81.597.666.440) | 210.414.648.189 | (81.672.566.440) |
| - Phải thu về CP hóa | 3.272.316.156 | - | 3.272.316.156 | - |
| - Phải thu cổ tức, lợi nhuận được chia | 3.720.227.480 | - | 3.720.227.480 | - |
| - Tạm ứng | 54.275.908.564 | (5.208.684.018) | 52.466.927.333 | (5.283.684.018) |
| - Ký cược, ký quỹ | 1.764.936.505 | - | 1.769.137.050 | - |
| - Phải thu khác | 123.632.021.052 | (76.388.982.422) | 149.186.040.170 | (76.388.882.422) |
| + <i>Phải thu về việc bàn giao Trường về BXD</i> | - | - | 65.219.780.509 | - |
| + <i>Công ty CP Sông Hồng 6</i> | 27.893.362.959 | (27.893.362.959) | 27.893.362.959 | (27.893.362.959) |
| + <i>Phải thu khác</i> | 95.738.658.093 | (48.495.619.463) | 56.072.896.702 | (48.495.519.463) |
| Dài hạn | 279.900.770.081 | - | 279.663.542.503 | - |
| - Ký cược, ký quỹ | 8.480.178.097 | - | 9.880.178.097 | - |
| <i>Ban Quản lý Dự án Thái Hà</i> | 258.939.504.206 | - | 258.939.504.206 | - |
| <i>Các khoản khác</i> | 12.481.087.778 | - | 10.843.860.200 | - |
| Tổng | 466.566.179.838 | (81.597.666.440) | 490.078.190.692 | (81.672.566.440) |

5.5 Nợ xấu

Đơn vị tính: VND

| | 31/03/2018 | | 01/01/2018 | |
|--|-----------------|----------------------------|----------------------------|----------------------------|
| | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi |
| Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán khó có khả năng thu hồi | 227.326.301.131 | 30.471.984.355 | 232.371.581.392 | 30.471.884.355 |
| Trong đó: | | Quá hạn trên 01 năm | Quá hạn trên 02 năm | Quá hạn trên 03 năm |
| Công ty CP Sông Hồng 6 | | | 27.893.362.959 | |
| Công ty CP Sông Hồng 36 | | | 19.190.611.925 | |
| Cty CP đầu tư XD Minh Phương | | | 9.100.000.000 | |
| Công ty CP Tư vấn TK&XD Sông Hồng | | | 9.750.490.759 | |
| Các đối tượng khác | | | 161.391.835.488 | |
| Tổng | | - | 227.326.301.131 | - |

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG

Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/03/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

5.6 Hàng tồn kho

| | 31/03/2018 | | 01/01/2018 | |
|-----------------------|-------------------------|----------|------------------------|----------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| | <i>Đơn vị tính: VND</i> | | | |
| Nguyên liệu, vật liệu | 18.944.486 | - | 1.247.024.918 | - |
| Công cụ, dụng cụ | 56.969.665 | - | 75.959.560 | - |
| Chi phí SXKD dở dang | 376.838.181.442 | - | 377.723.343.080 | - |
| Thành phẩm nhập kho | - | - | 3.624.526.820 | - |
| Hàng hóa BĐS(*) | 38.780.000.000 | - | 38.780.000.000 | - |
| Hàng hóa | - | - | - | - |
| Tổng | 415.694.095.593 | - | 421.450.854.378 | - |

(*): Khoản tiền Tổng Công ty chi để mua lô đất tại Khu biệt thự Tây Hồ, hiện các lô đất này đã được chuyển nhượng cho các cá nhân khác bên ngoài nhưng do chưa hoàn thiện thủ tục pháp lý nên vẫn đang theo dõi khoản tiền này trên khoản mục hàng tồn kho và khoản tiền nhận được từ việc bán lô đất này trên khoản mục người mua trả tiền trước trên Báo cáo tài chính hợp nhất, số tiền 38.780.000.000 đồng.

5.7 Chi phí trả trước

| | 31/03/2018 | 01/01/2018 |
|---|-----------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| Ngắn hạn | 3.140.045.017 | 3.213.829.290 |
| Công cụ, dụng cụ xuất dùng và chi phí khác | 3.140.045.017 | 3.213.829.290 |
| Dài hạn | 18.436.615.707 | 18.527.214.607 |
| Công cụ, dụng cụ xuất dùng và chi phí khác | 1.141.530.880 | 1.232.129.780 |
| Giá trị thương hiệu Tổng Công ty Sông Hồng | 1.933.333.320 | 1.933.333.320 |
| Lợi thế thương mại phát sinh do xác định giá trị doanh nghiệp | | |
| - Lợi thế lô đất Số 70 An Dương, Hà Nội | 15.139.276.164 | 15.139.276.164 |
| - Lợi thế tại lô đất Chi nhánh Lào Cai | 222.475.343 | 222.475.343 |
| Tổng | 21.576.660.724 | 21.741.043.897 |

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG

Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/03/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

5.8 Tài sản cố định hữu hình*Đơn vị tính: VND*

| | Nhà cửa, vật kiến trúc | Máy móc, thiết bị | Phương tiện vận tải, truyền dẫn | Thiết bị, dụng cụ quản lý | Tổng |
|--|---------------------------|-----------------------|------------------------------------|------------------------------|-----------------------|
| NGUYỄN GIÁ | | | | | |
| Số dư tại 01/01/2018 | 29.301.293.462 | 53.325.764.963 | 23.197.163.052 | 1.472.167.690 | 107.296.389.167 |
| Tăng trong năm | - | - | - | - | - |
| Giảm trong năm | 4.267.863.750 | 7.835.566.895 | 4.230.608.468 | 139.245.071 | 16.473.284.184 |
| Thanh lý, nhượng bán | - | - | - | - | - |
| Giảm do thoái vốn Công ty con Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Sông Lô | 4.267.863.750 | 7.835.566.895 | 4.230.608.468 | 139.245.071 | 16.473.284.184 |
| Số dư tại 31/03/2018 | 25.033.429.712 | 45.490.198.068 | 18.966.554.584 | 1.332.922.619 | 90.823.104.983 |
| GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ | | | | | |
| Số dư tại 01/01/2018 | 23.465.218.870 | 45.215.718.666 | 18.109.969.558 | 1.243.291.578 | 88.034.198.672 |
| Tăng trong năm | 228.827.139 | 846.099.258 | 385.746.963 | - | 1.460.673.360 |
| Khấu hao trong năm | 228.827.139 | 846.099.258 | 385.746.963 | - | 1.460.673.360 |
| Giảm trong năm | 4.021.768.556 | 6.364.484.509 | 2.497.971.451 | 139.245.071 | 13.023.469.587 |
| Giảm do thoái vốn Công ty con Công ty CP Xây dựng số 1 Sông Hồng | 4.021.768.556 | 6.364.484.509 | 2.497.971.451 | 139.245.071 | 13.023.469.587 |
| Số dư tại 31/03/2018 | 19.672.277.453 | 39.697.333.415 | 15.997.745.070 | 1.104.046.507 | 76.471.402.445 |
| GIÁ TRỊ CÒN LẠI | | | | | |
| Tại 01/01/2018 | 5.836.074.592 | 8.110.046.297 | 5.087.193.494 | 228.876.112 | 19.262.190.495 |
| Tại 31/03/2018 | 5.361.152.259 | 5.792.864.653 | 2.968.809.514 | 228.876.112 | 14.351.702.538 |

Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố các khoản vay:
 Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 8.419.070.396
 15.611.070.956

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG

Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/03/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

5.9 Tài sản cố định vô hình*Đơn vị tính: VND*

| | <u>Phần mềm tín học</u> | <u>Tổng</u> |
|--|-----------------------------|-------------------|
| NGUYỄN GIÁ | | |
| Số dư tại 01/01/2018 | 10.700.000 | 10.700.000 |
| Tăng trong năm | - | - |
| Giảm trong năm | - | - |
| Giảm do thoái vốn Công ty con Công ty CP Xây dựng số 1 Sông Hồng | - | - |
| Số dư tại 31/3/2018 | <u>10.700.000</u> | <u>10.700.000</u> |
| GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ | | |
| Số dư tại 01/01/2018 | 10.700.000 | 10.700.000 |
| Tăng trong năm | - | - |
| Giảm trong năm | - | - |
| Giảm do thoái vốn Công ty con Công ty CP Xây dựng số 1 Sông Hồng | - | - |
| Số dư tại 31/3/2018 | <u>10.700.000</u> | <u>10.700.000</u> |
| GIÁ TRỊ CÒN LẠI | | |
| Tại 01/01/2018 | - | - |
| Tại 31/3/2018 | <u>-</u> | <u>-</u> |

5.10 Tài sản dở dang dài hạn

| | <u>31/03/2018 VND</u> | <u>01/01/2018 VND</u> |
|--|------------------------------|------------------------------|
| Xây dựng cơ bản dở dang | 73.905.189.270 | 73.899.689.270 |
| - Khách sạn Royal Sông Hồng (i) | 35.597.135.193 | 35.597.135.193 |
| - Dự án Nhà ở cao tầng I1, I2, I3 và văn phòng cho thuê Thành Công 2 – tạm tính (ii) | 23.725.454.545 | 23.725.454.545 |
| - Dự án Khu nhà ở cán bộ công chức Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia - Sự thật (iii) | 12.581.660.114 | 12.581.660.114 |
| - Các dự án khác | 2.000.939.418 | 1.995.439.418 |
| Tổng | <u>73.905.189.270</u> | <u>73.899.689.270</u> |

Trong đó:

(i): Dự án Khách sạn Royal Sông Hồng được thực hiện theo Quyết định số 108/QĐ-HĐQT-TCT ngày 03/04/2008 của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng với tổng mức vốn đầu tư là 36,7 tỷ đồng. Thời gian thực hiện theo kế hoạch ban đầu là 18 tháng. Nhưng do khó khăn trong vấn đề cấp vốn nên Dự án phải kéo dài hơn so với kế hoạch. Tính đến thời điểm lập BCTC này, Dự án đã hoàn thành các hạng mục chính. Các hạng mục còn lại là Hệ thống điều áp và Thang máy sẽ được triển khai tiếp trong thời gian tới.

Theo Nghị quyết số 36/NQ-HĐQT ngày 30/03/2015 của Hội đồng quản trị thì Tổng Công ty đang có kế hoạch tìm các đối tác đầu tư thành lập công ty để quản lý khai thác dự án, Tổng Công ty tham gia góp 45% vốn điều lệ tương ứng với phần chi phí đã bỏ ra.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG

Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/03/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

5.10 Tài sản dở dang dài hạn (tiếp theo)

Tài sản hình thành từ Dự án được thế chấp cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương.

(ii): Giá trị tạm tính phần diện tích văn phòng thuộc Dự án Nhà ở cao tầng I1, I2, I3 và văn phòng cho thuê Thành Công 2 được phân chia theo Hợp đồng hợp tác đầu tư số 07/HĐKT-2008 ngày 03/04/2008 giữa Tổng Công ty và Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Sông Hồng.

(iii) Đây là các khoản chi phí phát sinh liên quan đến việc chuẩn bị đầu tư, xây dựng công trình "Dự án khu nhà ở cán bộ công chức Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia - Sự thật" theo thỏa thuận hợp tác đầu tư ngày 06/03/2009 giữa Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng và Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia về việc thực hiện Dự án nhà ở cán bộ, công chức Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia trên các lô đất 04 - BT3, 04 - CT2 và 04 - CT3 thuộc khu vực quy hoạch Bắc Cổ Nhuế - Chèm, xã Xuân Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội (nay là phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội). Theo thỏa thuận trong biên bản hợp ngày 26/11/2015 giữa Nhà xuất bản Chính trị quốc gia - Sự thật và Tổng Công ty cổ phần Sông Hồng thì sau khi xây dựng hoàn thành, Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng đảm bảo cung cấp cho Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia khoảng 175 căn hộ để phục vụ cho cán bộ, công chức Nhà xuất bản với giá bán là 16.500.000 đồng/m² (giá bán đã bao gồm VAT và phí bảo trì). Phần diện tích và căn hộ đầu tư thêm, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia thống nhất để Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng thực hiện bỏ vốn kinh doanh. Theo Quyết định số 88/QĐ-HĐQT ngày 22/07/2014 của Hội đồng Quản trị thì Dự án được thực hiện với tổng mức đầu tư là 1.595 tỷ và thời gian thực hiện là 03 năm từ quý I/2014 đến quý IV/2016. Tính đến thời điểm 31/03/2018, Dự án đang trong giai đoạn chuẩn bị giải phóng mặt bằng để thực hiện xây dựng công trình.

5.11 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

| | <i>Đơn vị tính: VND</i> | |
|---|-------------------------|-----------------------|
| | 31/3/2018 | 01/01/2018 |
| | <u>Giá trị ghi sổ</u> | <u>Giá trị ghi sổ</u> |
| Đầu tư vào Công ty liên doanh liên kết | 73.827.386.228 | 73.827.386.228 |
| Công ty CP Xuất nhập khẩu và Xây dựng Sông Hồng | 480.912.114 | 480.912.114 |
| Công ty CP Năng lượng Sông Hồng | 39.366.161.988 | 39.366.161.988 |
| Công ty CP Tư vấn Xây dựng Sông Hồng | 344.772.685 | 344.772.685 |
| Công ty CP Xây dựng số 1 Sông Hồng | 15.337.115.721 | 15.337.115.721 |
| Công ty CP Đầu tư TM và Xây dựng | 4.711.850.417 | 4.711.850.417 |
| Công trình Giao thông Hà Nội | 648.026.584 | 648.026.584 |
| Công ty CP Sông Hồng Bình Tây | 1.203.349.107 | 1.203.349.107 |
| Công ty CP Sông Hồng Tây Đô | 3.591.154.868 | 3.591.154.868 |
| Công ty CP Bất động sản Hà Nội Sông Hồng | 8.030.536.408 | 8.030.536.408 |
| Công ty CP Sông Hồng Miền Trung | 113.506.336 | 113.506.336 |
| Công ty CP Sông Hồng Sài Gòn | | |

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG

Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/03/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MÃU B 09 - DN/HN

5.11 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn (Tiếp theo)Đơn vị tính: VND

| | 31/03/2018 | | 01/01/2018 | |
|--|-----------------------|----------------|-----------------------|----------------|
| | Giá gốc | Giá trị hợp lý | Giá gốc | Giá trị hợp lý |
| Đầu tư vào đơn vị khác | 12.259.113.942 | - | 12.259.113.942 | - |
| Góp vốn vào công ty khác | | | | |
| Công ty Cổ phần Xây dựng Sông Hồng | 1.038.110 | - | 1.038.110 | - |
| Công ty Cổ phần Nhóm Sông Hồng | 1.264.586.273 | - | 1.264.586.273 | - |
| Công ty Cổ phần Công nghệ và Truyền thông Sông Hồng | 500.000.000 | - | 500.000.000 | - |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Sông Hồng | 4.063.089.559 | - | 4.063.089.559 | - |
| Công ty CP Sông Hồng 9 | 2.000.000.000 | - | 2.000.000.000 | - |
| Công ty Cổ phần Thương mại và Xây lắp Sông Hồng (Công ty Cổ phần Sông Hồng 6) | 1.700.000.000 | - | 1.700.000.000 | - |
| Công ty Cổ phần Reenco Thăng Long | 1.490.400.000 | - | 1.490.400.000 | - |
| Công ty Cổ phần Reenco Hòa Bình | 240.000.000 | - | 240.000.000 | - |
| Công ty Cổ phần Sông Hồng Đại Phát | 1.000.000.000 | - | 1.000.000.000 | - |
| Tổng | 12.259.113.942 | (*) | 12.259.113.942 | (*) |

(*) Tổng Công ty không xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do các công ty được đầu tư này chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán, Chế độ kế toán và Chuẩn mực kế toán Việt Nam hiện hành chưa có hướng dẫn về việc xác định giá trị hợp lý thông qua các kỹ thuật định giá.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG

Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/03/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

5.12 Phải trả người bán

Đơn vị tính: VND

| | 31/03/2018 | | 01/01/2018 | |
|--|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|
| | Giá trị ghi sổ | Số có khả | Giá trị ghi sổ | Số có khả |
| | | năng trả nợ | | năng trả nợ |
| a, Ngắn hạn | 312.916.108.229 | 312.916.108.229 | 312.568.780.675 | 312.568.780.675 |
| Công ty CP Xây dựng Đô thị Sông Hồng | 26.500.156.760 | 26.500.156.760 | 26.500.156.760 | 26.500.156.760 |
| Công ty CP Xây dựng số 1 Sông Hồng | 38.665.405.632 | 38.665.405.632 | 38.665.405.632 | 38.665.405.632 |
| Công ty CP Sông Hồng Tây Đô | 12.037.666.996 | 12.037.666.996 | 12.037.666.996 | 12.037.666.996 |
| Công ty CP Công Nghiệp Tàu Thủy Đông Bắc | 28.493.447.615 | 28.493.447.615 | 28.493.447.615 | 28.493.447.615 |
| Các công ty khác | 207.219.431.226 | 207.219.431.226 | 206.872.103.672 | 206.872.103.672 |
| Tổng | 312.916.108.229 | 312.916.108.229 | 312.568.780.675 | 312.568.780.675 |

5.13 Người mua trả tiền trước

Đơn vị tính: VND

| | 31/03/2018 | | 01/01/2018 | |
|-------------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|
| | Giá trị ghi sổ | Số có khả | Giá trị ghi sổ | Số có khả |
| | | năng trả nợ | | năng trả nợ |
| a, Ngắn hạn | 164.931.157.649 | 164.931.157.649 | 142.064.948.842 | 142.064.948.842 |
| Các hộ dân DA biệt thự Tây Hồ | 38.780.000.000 | 38.780.000.000 | 38.780.000.000 | 38.780.000.000 |
| Bà Lê Thị Minh Nguyệt | 21.454.000.000 | 21.454.000.000 | 21.454.000.000 | 21.454.000.000 |
| Các đối tượng khác | 104.697.157.649 | 104.697.157.649 | 81.830.948.842 | 81.830.948.842 |
| Tổng | 164.931.157.649 | 164.931.157.649 | 142.064.948.842 | 142.064.948.842 |

5.14 Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

Đơn vị tính: VND

| | 01/01/2018 | | 31/3/2018 | |
|--|-----------------------|-------------------------|----------------------|-------------------------|
| | Số phải nộp trong kỳ | Số đã thực nộp trong kỳ | Số phải nộp trong kỳ | Số đã thực nộp trong kỳ |
| Phải nộp | 28.214.422.257 | (1.286.265.608) | 206.170.216 | 26.721.986.433 |
| Thuế giá trị gia tăng | 21.414.820.173 | (328.469.778) | 174.096.000 | 20.912.254.395 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 42.149.935 | (40.111.140) | - | 2.038.795 |
| Thuế thu nhập cá nhân | 712.045.688 | (325.272.437) | 19.074.216 | 367.699.035 |
| Thuê tài nguyên | 47.704.000 | (47.704.000) | - | - |
| Thuế nhà đất tiền thuê đất | 2.410.132.400 | (94.608.000) | - | 2.315.524.400 |
| Thuế khác | 371.417.980 | 13.000.000 | 13.000.000 | 371.417.980 |
| Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác | 3.216.152.081 | (463.100.253) | - | 2.753.051.828 |
| Phải thu | 6.776.597.177 | 946.539.824 | - | 5.830.057.353 |
| Thuế giá trị gia tăng vắng lai | 6.675.240.808 | 946.539.824 | - | 5.728.700.984 |
| Thuế TNDN nộp thừa | 92.821.146 | - | - | 92.821.146 |
| Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác | 8.535.223 | - | - | 8.535.223 |

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG

Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/03/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

5.15 Phải trả khác

| | 31/03/2018 VND | 01/01/2018 VND |
|--|------------------------|------------------------|
| Ngắn hạn | 137.176.671.559 | 99.068.910.844 |
| Kinh phí công đoàn | 946.515.626 | 969.107.591 |
| Bảo hiểm xã hội | 7.968.919.526 | 9.421.864.517 |
| Bảo hiểm y tế | 789.422.895 | 1.513.875.718 |
| Bảo hiểm thất nghiệp | 227.759.512 | 529.173.124 |
| Phải trả về CP hóa | 4.169.029.883 | 4.169.029.883 |
| Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn | - | - |
| Phải trả, phải nộp khác | 123.075.024.117 | 82.465.860.011 |
| - Công ty CP Nhôm Sông Hồng | 3.862.093.801 | 3.862.093.801 |
| - Phải trả UBND Tỉnh Phú Thọ (Xi Mãng Yên Mao) | 1.000.000.000 | 1.000.000.000 |
| - Phải trả Ban quản lý dự án biệt thự Tây Hồ | 600.000.000 | 600.000.000 |
| - Cổ tức phải trả cổ đông | 22.919.286.000 | 22.919.286.000 |
| - Công ty CP Phát triển XD và XNK Sông Hồng | 564.011.674 | 564.011.674 |
| - Vay không tính lãi | 2.586.548.716 | 2.586.548.716 |
| - Khoản lỗ tại chi nhánh Miền Đông trước CP hóa chờ xử lý | 9.578.124.594 | 9.578.124.594 |
| - Phải trả lương nhân công (An Dương) | 5.881.264.677 | 5.881.264.677 |
| - Các khoản phải trả khác | 76.083.694.655 | 35.474.530.549 |
| Dài hạn | 267.142.664.403 | 267.142.664.403 |
| Khoản thu tiền bán căn hộ nhà I1, I2, I3 Dự án Thái Hà chờ quyết toán | 231.721.064.783 | 231.721.064.783 |
| Phải trả cá nhân góp vốn Công ty CP Xây dựng Số 1 Sông Hồng | 174.205.096 | 174.205.096 |
| Giá trị văn phòng được chia từ hợp đồng hợp tác đầu tư ghi nhận theo số tạm tính của Ban Quản lý Dự án Thái Hà | 26.098.000.000 | 26.098.000.000 |
| Các khoản khác | 9.149.394.524 | 9.149.394.524 |
| Tổng | 404.319.335.962 | 366.211.575.247 |

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG

Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/03/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

5.16 Chi phí phải trả

| | 31/03/2018 | 01/01/2018 |
|---|------------------------|------------------------|
| | VND | VND |
| Ngắn hạn | 386.537.456.621 | 380.774.506.136 |
| Chi phí lãi vay phải trả | 138.413.541.918 | 134.097.934.689 |
| Trích trước giá vốn công trình | | |
| <i>Công trình Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng I</i> | <i>86.584.029.099</i> | <i>86.584.029.099</i> |
| <i>Công trình Nhà thi đấu Đà Nẵng và Trung tâm Hành chính</i> | <i>34.678.199.577</i> | <i>34.678.199.577</i> |
| <i>Công trình Cấp thoát nước Hà Nội</i> | <i>22.206.644.433</i> | <i>22.206.644.433</i> |
| <i>Công trình Nhà thi đấu Nam Định</i> | - | - |
| <i>Công trình khác và chi phí khác</i> | <i>104.655.041.594</i> | <i>103.207.698.338</i> |
| Tổng | 386.537.456.621 | 380.774.506.136 |

5.17 Doanh thu chưa thực hiện

| | 31/03/2018 | 01/01/2018 |
|---|-----------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| Dài hạn | 55.170.809.696 | 55.170.809.696 |
| Doanh thu nhận trước cho thuê văn phòng (*) | 54.973.840.000 | 54.973.840.000 |
| Doanh thu sử dụng thương hiệu Sông Hồng | 196.969.696 | 196.969.696 |
| Tổng | 55.170.809.696 | 55.170.809.696 |

Trong đó:

(*): Doanh thu cho thuê văn phòng thuộc Dự án Xây dựng nhà ở cao tầng I1, I2, I3 và văn phòng cho thuê Thành Công 2 theo hợp đồng số 06/2012/HDTVP/TCT-SH Land ngày 04/09/2012 giữa Tổng Công ty và Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Sông Hồng.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG

Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/03/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN/HN

5.18 Vay và nợ thuê tài chính

| | 31/03/2018 | | Trong kỳ | | 01/01/2018 | | Đơn vị tính: VND |
|--|------------------------|------------------------|--------------------|-----------------------|------------------------|------------------------|------------------|
| | Giá trị | Số có khả năng trả nợ | Tăng | Giảm | Giá trị | Số có khả năng trả nợ | |
| Vay ngắn hạn | 110.729.013.963 | 110.729.013.963 | 410.000.000 | 54.872.302.610 | 165.191.316.573 | 165.191.316.573 | |
| Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ | - | - | - | 7.461.960.234 | 7.461.960.234 | 7.461.960.234 | |
| Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Hoàn Kiếm | 65.023.992.253 | 65.023.992.253 | - | - | 65.023.992.253 | 65.023.992.253 | |
| Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ | 34.221.454.880 | 34.221.454.880 | - | - | 34.221.454.880 | 34.221.454.880 | |
| Vay đối tượng khác | 11.483.566.830 | 11.483.566.830 | 410.000.000 | 47.410.342.376 | 58.483.909.206 | 58.483.909.206 | |
| Nợ đến hạn trả | 192.109.391.713 | 192.109.391.713 | - | 299.000.000 | 192.408.391.713 | 192.408.391.713 | |
| Ngân hàng TMCP Đại Dương - Chi nhánh Hà Tĩnh (i) | 192.109.391.713 | 192.109.391.713 | - | 299.000.000 | 192.408.391.713 | 192.408.391.713 | |
| Vay dài hạn | 118.400.000 | 118.400.000 | - | - | 118.400.000 | 118.400.000 | |
| Vay đối tượng khác | 118.400.000 | 118.400.000 | - | - | 118.400.000 | 118.400.000 | |

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:

(i): Khoản vay theo Hợp đồng hạn mức tín dụng số 0036/2011/HĐTD1 ngày 01 tháng 12 năm 2011 vay Ngân hàng TMCP Đại Dương - Chi nhánh Hà Tĩnh với tổng hạn mức tín dụng là 200.000.000.000 VND. Dự nợ tín dụng tính đến thời điểm 31/12/2015 là 193.102.141.087 VND. Thời hạn cấp tín dụng là 12 tháng kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2011. Lãi suất theo quy định của OceanBank tại từng thời điểm giải ngân. Mục đích vay nhằm bổ sung vốn lưu động và cấp bảo lãnh cho bên B phục vụ thi công công trình Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1. Để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ, Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng chấp thuận đề Ngân hàng TMCP Đại Dương - Chi nhánh Hà Tĩnh quản lý nguồn thu từ việc thực hiện thi công các hạng mục xây dựng thuộc hợp đồng EPC - Dự án Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1. Căn cứ theo phụ lục hợp đồng hạn mức tín dụng lần thứ 6 ngày 26/11/2014, khoản vay được gia hạn tới ngày 31/01/2016, lãi và gốc được trả một lần khi đáo hạn. Đến thời điểm 31/03/2018, giữa Tổng Công ty và Ngân hàng TMCP Đại Dương - CN Hà Tĩnh chưa có văn bản thỏa thuận gia hạn khoản vay trên.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG

Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/03/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

5.19 Vốn chủ sở hữu

a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

| | Vốn đầu tư của chủ sở hữu | Thặng dư vốn cổ phần | Vốn khác của chủ sở hữu | Cổ phiếu quỹ | Quỹ đầu tư phát triển | Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp | Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | Lợi ích cổ đông không kiểm soát | Tổng cộng |
|---|---------------------------|-----------------------|-------------------------|----------------------|-----------------------|---------------------------------|-------------------------------|-----------------------------------|---------------------------------|--------------------------|
| Số dư tại 01/01/2017 | 270.000.000.000 | 23.795.372.214 | - | (390.000.000) | 31.920.594.659 | 25.981.000 | 6.710.417.519 | (443.305.472.875) | 13.900.030.675 | (97.343.076.808) |
| Tăng trong năm | - | 1.606.879.215 | - | - | - | - | - | 1.232.593.150 | - | 2.839.472.365 |
| Lãi do chuyển Công ty con thành Công ty liên kết | - | - | - | - | - | - | - | 1.232.593.150 | - | 1.232.593.150 |
| Tăng khác | - | 1.606.879.215 | - | - | - | - | - | - | - | 1.606.879.215 |
| Giảm trong năm | - | 1.275.875.000 | - | - | 4.641.666.180 | - | - | 44.643.581.493 | 25.683.924.695 | 76.245.047.368 |
| Lỗ trong năm nay | - | - | - | - | - | - | - | 52.210.016.499 | 3.385.451.149 | 55.595.467.648 |
| Tăng/ Giảm do chuyển Công ty công ty con thành liên kết | - | 1.275.875.000 | - | - | 4.641.666.180 | - | - | (7.566.435.006) | 22.298.473.546 | 20.649.579.720 |
| Số dư tại 31/12/2017 | 270.000.000.000 | 24.126.376.429 | - | (390.000.000) | 27.278.928.479 | 25.981.000 | 6.710.417.519 | (486.716.461.218) | (11.783.894.020) | (170.748.651.811) |
| Số dư tại 01/01/2018 | 270.000.000.000 | 24.126.376.429 | - | (390.000.000) | 27.278.928.479 | 25.981.000 | 6.710.417.519 | (486.716.461.218) | (11.783.894.020) | (170.748.651.811) |
| Tăng trong năm | 65.219.780.000 | - | 1.072.018.933 | - | - | - | - | 625.130.938 | - | 66.916.929.871 |
| Tăng vốn (*) | 65.219.780.000 | - | - | - | - | - | - | - | - | 65.219.780.000 |
| Lãi do thoái vốn tại CTCP Đầu tư và Xây dựng Sông Lô | - | - | - | - | - | - | - | 625.130.938 | - | 625.130.938 |
| Tăng khác | - | - | 1.072.018.933 | - | - | - | - | - | - | 1.072.018.933 |
| Giảm trong năm | 65.219.780.000 | - | - | - | 865.425.906 | - | 552.280.987 | 7.563.766.166 | 4.668.303.027 | 78.869.556.086 |
| Lỗ | - | - | - | - | - | - | - | 7.451.610.938 | 660.479.028 | 8.112.089.966 |
| Tăng/ Giảm do thoái vốn tại CTCP Đầu tư và Xây dựng Sông Lô | - | - | - | - | 865.425.906 | - | 552.280.987 | 112.155.228 | 4.007.823.999 | 5.537.686.120 |
| Giảm vốn do bán giao Trường trung cấp KTNV Sông Hồng (*) | 65.219.780.000 | - | - | - | - | - | - | - | - | 65.219.780.000 |
| Số dư tại 31/03/2018 | 270.000.000.000 | 24.126.376.429 | 1.072.018.933 | (390.000.000) | 26.413.502.573 | 25.981.000 | 6.158.136.532 | (493.655.096.446) | (16.452.197.047) | (182.701.278.026) |

(*) Chi tiết việc tăng và giảm vốn điều lệ trong kỳ thể hiện trong Phụ lục 01 kèm theo Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG

Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/03/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

5.19 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

| | 31/03/2018 | 01/01/2018 |
|----------------------|------------------------|------------------------|
| | VND | VND |
| Vốn góp của Nhà nước | 132.412.000.000 | 197.631.780.000 |
| Phạm Thị Phương Thúy | 29.874.000.000 | 29.874.000.000 |
| Phan Việt Anh | 40.319.780.000 | 100.000.000 |
| Các đối tượng khác | 67.394.220.000 | 42.394.220.000 |
| Tổng | 270.000.000.000 | 270.000.000.000 |

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức

| | Từ 01/01/2018 đến 31/03/2018 | Từ 01/01/2017 đến 31/03/2017 |
|----------------------------------|---------------------------------|---------------------------------|
| | VND | VND |
| Vốn đầu tư của chủ sở hữu | | |
| Vốn góp tại đầu kỳ | 270.000.000.000 | 270.000.000.000 |
| Vốn góp tăng trong kỳ | 65.219.780.000 | - |
| Vốn góp giảm trong kỳ | 65.219.780.000 | - |
| Vốn góp tại cuối năm | 270.000.000.000 | 270.000.000.000 |
| Cổ tức, lợi nhuận đã chia | - | - |

d. Cổ phiếu

| | 31/03/2018 | 01/01/2018 |
|--|------------|------------|
| | Cổ phiếu | Cổ phiếu |
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 27.000.000 | 27.000.000 |
| Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng | 27.000.000 | 27.000.000 |
| Cổ phiếu phổ thông | 27.000.000 | 27.000.000 |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 27.000.000 | 27.000.000 |
| Cổ phiếu phổ thông | 27.000.000 | 27.000.000 |
| Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu) | 10.000 | 10.000 |

e. Các quỹ của doanh nghiệp

| | 31/03/2018 | 01/01/2018 |
|----------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| Quỹ đầu tư phát triển | 26.413.502.573 | 27.278.928.479 |
| Quỹ hỗ trợ, sắp xếp doanh nghiệp | 25.981.000 | 25.981.000 |
| Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | 6.158.136.532 | 6.710.417.519 |
| Tổng | 32.597.620.105 | 34.015.326.998 |

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG

Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/03/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

5.20 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

| | Từ 01/01/2018 đến 31/03/2018 VND | Từ 01/01/2017 đến 31/03/2017 VND |
|-----------------------------|--|--|
| Doanh thu cung cấp dịch vụ | 131.859.388 | |
| Doanh thu bán hàng | 7.924.055.050 | |
| Doanh thu hợp đồng xây dựng | 3.602.727.272 | |
| Tổng | 11.658.641.710 | |

5.21 Giá vốn hàng bán

| | Từ 01/01/2018 đến 31/03/2018 VND | Từ 01/01/2017 đến 31/03/2017 VND |
|---------------------------------|--|--|
| Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp | 346.121.551 | |
| Giá vốn hàng bán | 7.498.844.007 | |
| Giá vốn của hợp đồng xây dựng | 3.530.135.279 | |
| Tổng | 11.375.100.837 | |

5.22 Doanh thu hoạt động tài chính

| | Từ 01/01/2018 đến 31/03/2018 VND | Từ 01/01/2017 đến 31/03/2017 VND |
|--|--|--|
| Lãi tiền gửi, tiền cho vay | 218.727.746 | |
| Lãi thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn | 2.505.979.427 | |
| Lãi ngân hàng được miễn giảm | - | |
| Tổng | 2.724.707.173 | |

5.23 Chi phí tài chính

| | Từ 01/01/2018 đến 31/03/2018 VND | Từ 01/01/2017 đến 31/03/2017 VND |
|--------------|--|--|
| Lãi tiền vay | 6.714.082.883 | |
| Tổng | 6.714.082.883 | |

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG

Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/03/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

5.24 Chi phí bán hàng và Chi phí quản lý doanh nghiệp

| | Từ 01/01/2018 đến 31/03/2018 | Từ 01/01/2017 đến 31/03/2017 |
|----------------------------------|---------------------------------|---------------------------------|
| | VND | VND |
| Chi phí bán hàng | 1.000.000 | |
| Chi phí nhân viên | - | |
| Chi phí khấu hao TSCĐ | - | |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | - | |
| Chi phí bằng tiền khác | 1.000.000 | |
| Chi phí quản lý | 5.829.043.858 | |
| Chi phí nhân viên quản lý | 3.524.924.652 | |
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 74.039.571 | |
| Chi phí đồ dùng văn phòng | 20.276.365 | |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 1.052.656.977 | |
| Thuế phí và lệ phí | 30.016.832 | |
| Chi phí dự phòng | 69.013.817 | |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 264.581.382 | |
| Chi phí khác bằng tiền | 793.534.262 | |
| Tổng | 5.830.043.858 | |

5.25 Thu nhập khác/ Chi phí khác

| | Từ 01/01/2018 đến 31/03/2018 | Từ 01/01/2017 đến 31/03/2017 |
|--|---------------------------------|---------------------------------|
| | VND | VND |
| Thu nhập khác | 513.456.818 | |
| Tiền cho thuê mặt bằng, văn phòng | 513.456.818 | |
| Phí thầu chính, thầu phụ | - | |
| Thu nhập khác | 1.263.174.000 | |
| Tổng | 1.776.630.818 | |
| Chi phí khác | | |
| Chi phí phạt chậm nộp BHXH, phạt VPHC về lĩnh vực thuế | - | |
| Khấu hao TSCĐ cho thuê | 317.550.502 | |
| Ngân hàng thu lãi phạt | - | |
| Chi phí phạt theo quyết định của tòa án | - | |
| Chi phí khác | 35.291.587 | |
| Tổng | 352.842.089 | |
| Thu nhập khác/chi phí khác (thuần) | 1.423.788.729 | |

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG

Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/03/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

5.26 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

| | Từ 01/01/2018 đến 31/03/2018 VND | Từ 01/01/2017 đến 31/03/2017 VND |
|--|--|--|
| Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND) | (8.112.089.966) | |
| Các khoản điều chỉnh | | |
| Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ | (7.451.610.938) | |
| Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát | (660.479.028) | |
| Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông của công ty mẹ (VND) | (7.451.610.938) | |
| Cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu) | 27.000.000 | |
| Cổ phiếu quỹ (cổ phiếu) | 39.000 | |
| Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (cổ phiếu) | 26.961.000 | |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu) | (276) | |

5.27 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

| | Từ 01/01/2018 đến 31/03/2018 VND | Từ 01/01/2017 đến 31/03/2017 VND |
|----------------------------------|--|--|
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 2.063.652.236 | |
| Chi phí nhân công | 4.998.239.249 | |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 1.052.656.977 | |
| Chi phí dự phòng | - | |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 7.871.757.657 | |
| Chi phí khác bằng tiền | 923.369.056 | |
| Tổng | 16.909.675.175 | |

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG

Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/03/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

6. THÔNG TIN KHÁC**6.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan****Giao dịch với các nhân sự chủ chốt và cổ đông**

| Bên liên quan | Tính chất giao dịch | Từ 01/01/2018 | Từ 01/01/2017 |
|--|---------------------|----------------|----------------|
| | | đến 31/03/2018 | đến 31/03/2017 |
| | | VND | VND |
| Ban Tổng Giám đốc và HĐQT và Ban Kiểm soát | Lương, thù lao | 376.773.497 | |

Số dư với bên liên quan khác

| Bên liên quan | Tính chất giao dịch | 31/03/2018 | 01/01/2017 |
|--|---------------------|------------------------|------------------------|
| | | VND | VND |
| Công ty liên doanh liên kết | | | |
| Công ty CP XNK và Xây dựng Sông Hồng | Phải thu khách hàng | 205.990.037 | 205.990.037 |
| Công ty CP Năng lượng Sông Hồng | Phải thu khách hàng | 13.776.454 | 13.776.454 |
| Công ty CP Sông Hồng 36 | Phải thu khách hàng | 13.505.443.049 | 13.505.443.049 |
| Công ty CP Sông Hồng Bình Tây | Phải thu khách hàng | 422.415.865 | 422.415.865 |
| Công ty CP Thép Sông Hồng | Phải thu khách hàng | 3.897.962.892 | 3.897.962.892 |
| Công ty CP Sông Hồng Miền Trung | Phải thu khách hàng | 460.501.447 | 460.501.447 |
| Công ty CP Sông Hồng Sài Gòn | Phải thu khách hàng | 19.785.826 | 19.785.826 |
| Công ty CP Xây dựng Số 1 Sông Hồng | Phải thu khách hàng | 3.191.001.774 | 3.191.001.774 |
| Tổng | | 21.716.877.344 | 21.716.877.344 |
| Công ty liên doanh liên kết | | | |
| Công ty CP Xây dựng Số 1 Sông Hồng | Trả trước người bán | 1.143.596.893 | 1.143.596.893 |
| Công ty CP XNK và Xây dựng Sông Hồng | Trả trước người bán | 6.000.000.000 | 6.000.000.000 |
| Công ty CP Tư vấn Xây dựng Sông Hồng | Trả trước người bán | 1.307.203.000 | 1.000.000.000 |
| Công ty CP Sông Hồng 8 (Metroco Sông Hồng) | Trả trước người bán | - | - |
| Công ty CP Sông Hồng 36 | Trả trước người bán | 7.100.654.421 | 7.100.654.421 |
| Công ty CP Thép Sông Hồng | Trả trước người bán | 2.800.000.000 | 2.800.000.000 |
| Công ty CP Sông Hồng Sài Gòn | Trả trước người bán | 126.390.086.131 | 126.390.086.131 |
| Tổng | | 144.741.540.445 | 144.434.337.445 |
| Công ty liên doanh liên kết | | | |
| Công ty CP Xây dựng Số 1 Sông Hồng | Phải thu khác | 3.366.376.301 | 3.366.376.301 |
| Công ty CP XNK và Xây dựng Sông Hồng | Phải thu khác | 1.929.686.382 | 1.929.686.382 |
| Công ty CP Tư vấn Xây dựng Sông Hồng | Phải thu khác | 696.417.807 | 696.417.807 |
| Công ty CP Sông Hồng 36 | Phải thu khác | 12.089.957.504 | 12.089.957.504 |
| Công ty CP Đầu tư & KD BĐS Hà Nội Sông Hồng | Phải thu khác | 3.234.630.000 | 3.234.630.000 |
| Công ty CP Sông Hồng Bình Tây | Phải thu khác | 151.454.470 | 151.454.470 |
| Công ty CP Sông Hồng Sài Gòn | Phải thu khác | 8.702.653.581 | 8.702.653.581 |
| Tổng | | 30.171.176.045 | 30.171.176.045 |
| Công ty liên doanh liên kết | | | |
| Công ty CP Xây dựng Đô thị Sông Hồng | Phải trả người bán | 26.500.156.760 | 26.500.156.760 |
| Công ty CP Xây dựng Số 1 Sông Hồng | Phải trả người bán | 38.665.405.632 | 38.665.405.632 |
| Công ty CP Sông Hồng 8 (Metroco Sông Hồng) | Phải trả người bán | 7.723.693.316 | 7.723.693.316 |
| Công ty CP Đầu tư TM&XD CT Giao thông Hà Nội | Phải trả người bán | - | 0 |
| Công ty CP Sông Hồng 36 | Phải trả người bán | 75.267.249 | 75.267.249 |
| Công ty CP Sông Hồng Tây Đô | Phải trả người bán | 12.037.666.996 | 12.037.666.996 |
| Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Sông Hồng 9 | Phải trả người bán | 277.675.257 | 277.675.257 |
| Công ty CP Thép Sông Hồng | Phải trả người bán | 38.942.931 | 38.942.931 |
| Công ty CP Đầu tư & KD BĐS Hà Nội Sông Hồng | Phải trả người bán | 2.528.899.709 | 2.528.899.709 |
| Công ty CP Sông Hồng Miền Trung | Phải trả người bán | 6.644.357.996 | 6.644.357.996 |
| Công ty CP Sông Hồng Sài Gòn | Phải trả người bán | 1.275.927.812 | 1.275.927.812 |
| Tổng | | 95.767.993.658 | 95.767.993.658 |

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG

Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/03/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

6.2 Thông tin khác

Dự án Xây dựng nhà ở cao tầng I1, I2, I3 và văn phòng cho thuê Thành Công 2 - Thái Hà được thực hiện theo hợp đồng kinh tế số 07/HĐKT-2008 ngày 03/04/2008 giữa Tổng Công ty và Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Sông Hồng. Tính đến thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Dự án đã hoàn thành, đưa vào sử dụng và đang ghi nhận khoản lợi nhuận tạm tính thu được từ dự án là 103,92 tỷ đồng trên chỉ tiêu Phải thu dài hạn khác tuy nhiên Dự án này chưa được quyết toán với bên hợp tác đầu tư. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty tin tưởng rằng khoản lợi nhuận ước tính trên là trung đối chính xác và chắc chắn thu được và theo đó các khoản điều chỉnh liên quan đến Dự án này sẽ chỉ được thực hiện khi có quyết toán cuối cùng với bên hợp tác đầu tư.

Thực hiện chủ trương sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp giai đoạn 2014-2015 theo Nghị quyết của Trung ương khóa IX và sự chỉ đạo của Chính phủ, Bộ Xây dựng về nâng cao hiệu quả công tác quản lý, điều hành sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty, Bộ Xây dựng đã có Công văn số 3351/BXD-QLDN ngày 18/12/2014 về việc chấp thuận phương án tái cấu trúc và nâng cao quản trị Tổng Công ty giai đoạn 2014-2015 và mục tiêu 2020, Tổng Công ty sẽ thực hiện thoái toàn bộ vốn đầu tư tại 17 đơn vị. Ngày 24/01/2017, Bộ Xây dựng đã có công văn số 153/BXD-QLDN về việc thoái vốn tại 8 công ty có vốn góp của Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng, bao gồm: CTCP Sông Hồng Miền Trung, CTCP Bất động sản Hà Nội Sông Hồng, CTCP Đầu tư Thương mại và Xây dựng CTGT Hà Nội (trước đây là CTCP Sông Hồng 10), CTCP Đầu tư và Xây dựng Sông Lô, CTCP Đầu tư địa ốc Sông Hồng, CTCP Năng lượng Sông Hồng, CTCP Công nghệ và Truyền thông Sông Hồng, CTCP Nhôm Sông Hồng. Đến tháng 01 năm 2018, Tổng Công ty đã bán đấu giá thành công số cổ phần thoái vốn tại CTCP Đầu tư và Xây dựng Sông Lô.

Theo Hợp đồng số 280909/LILAMA-SHC ngày 28/09/2009 giữa Tổng Công ty CP Sông Hồng và Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam (LILAMA), giá trị hợp đồng thi công của Tổng Công ty cho hạng mục của Dự án Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng I là 1.315,8 tỷ đồng được giao toàn bộ cho Ban điều hành Dự án Xây dựng Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 quản lý và thực hiện. Theo Nghị quyết số 686/NQ-DKVN ngày 27/01/2014, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN) đã chấp thuận chi phí phát sinh chưa lường hết của toàn bộ công trình Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 khoảng 1.090 tỷ đồng. Đồng thời, ngày 14/03/2016, PVN đã có văn bản số 1429/QĐ-DKVN về việc phê duyệt Tổng mức đầu tư điều chỉnh lần 2 Dự án Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 là 33.576,29 tỷ đồng. Theo đó, giá trị dự toán, sau thẩm tra/thẩm định đối với hạng mục xây dựng do Tổng Công ty thực hiện tăng khoảng 213,8 tỷ đồng so với hợp đồng đã ký. Đơn vị Tổng thầu đã đề nghị PVN xem xét điều chỉnh giá trị phát sinh chưa lường hết của dự án này. Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính này, PVN đã chấp thuận điều chỉnh tổng mức đầu tư của dự án bao gồm giá trị phát sinh chưa lường hết của Dự án. Tổng Công ty đang trong quá trình làm việc để thống nhất khối lượng mà Tổng Công ty đã thực hiện với đơn vị Tổng thầu.

6.3 Cam kết về đầu tư khác

Theo Hợp đồng hợp tác đầu tư số 965/HTĐT/2014 ngày 18/07/2014 giữa Tổng Công ty và Công ty Cổ phần Sông Hồng Thăng Long về việc đầu tư Dự án Khu nhà ở Sông Hồng - Việt Trì 1 + 2 với tổng mức đầu tư là 95 tỷ đồng. Tổng Công ty sẽ thực hiện góp vốn 40% (trong đó bao gồm vốn góp từ khoản phải thu từ Công ty Cổ phần Sông Hồng Thăng Long) và đại diện cho hai bên tham gia góp vốn kinh doanh thực hiện dự án. Theo Biên bản họp Hội đồng quản trị số 01/2017/BBH-HĐQT ngày 08/03/2017 và Nghị quyết Hội đồng quản trị số 04/2017/NQ-HĐQT ngày 10/03/2017, Công ty Cổ phần Sông Hồng Thăng Long đã quyết định dừng hợp tác đầu tư dự án trên với Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng do gặp khó khăn về tài chính, hồ sơ pháp lý khu đất không đầy đủ do thế chấp ngân hàng. Tính đến thời điểm lập Báo cáo tài chính này, Dự án chưa hoàn tất thủ tục pháp lý để triển khai.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG

Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/03/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

6.3 Cam kết về đầu tư khác (Tiếp theo)

Theo biên bản làm việc ngày 10/03/2014 giữa Tổng Công ty và Công ty Cổ phần Sông Hồng 6 đã thống nhất chủ trương thực hiện triển khai Dự án tại khu đất Ngõ 49 đường Hùng Vương, phường Hội Hợp, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc do Công ty Cổ phần Sông Hồng 6 quản lý. Tổng Công ty sẽ thực hiện góp vốn 40% (trong đó bao gồm vốn góp từ khoản phải thu từ Công ty Cổ phần Sông Hồng 6) và đại diện cho hai bên tham gia góp vốn kinh doanh thực hiện dự án. Theo Công văn số 74/CV-SH6 ngày 20/12/2016 Công ty Cổ phần Sông Hồng số 6 đã đề nghị chấm dứt việc hợp tác đầu tư dự án tại khu đất của Công ty Cổ phần Sông Hồng số 6 tại TP Vĩnh Yên – Vĩnh Phúc do gặp khó khăn về tài chính. Tính đến thời điểm lập Báo cáo tài chính này, Dự án chưa hoàn tất thủ tục pháp lý để triển khai.

6.4 Các khoản nợ tiềm tàng và cam kết Bảo lãnh vay vốn

Tại thời điểm 31/03/2018, Tổng Công ty có các khoản nợ tiềm tàng liên quan đến các khoản bảo lãnh cho các khoản vay Ngân hàng:

- (i) Tại Văn bản số 1206/TCT-TCKT ngày 19/9/2014, Tổng Công ty cam kết bảo lãnh khoản vay Ngân hàng và bảo lãnh khác cho Công ty TNHH MTV Cơ giới và Xây dựng Sông Hồng số tiền 60 tỷ đồng: trong đó (khoản bảo lãnh vay Ngân hàng NN&PT Nông thôn Chi nhánh Hoàn Kiếm số tiền 40 tỷ đồng); (khoản bảo lãnh thực hiện hợp đồng, bảo lãnh tạm ứng, bảo lãnh dự thầu, bảo lãnh bảo hành công trình là 20 tỷ đồng), trong trường hợp Công ty con này không có khả năng trả nợ. Tổng số dư nợ vay được bảo lãnh tại ngày 31/12/2017 là 44,04 tỷ đồng tại ngày 31/03/2018 là 44,04, tỷ đồng.
- (ii) Tại Văn bản số 2072/TCT-TCKT ngày 19/12/2012, Tổng Công ty cam kết bảo lãnh khoản vay Ngân hàng NN & PTNT – Chi nhánh Hoàn Kiếm cho Công ty TNHH MTV Sông Hồng An Dương số tiền 40 tỷ đồng, trong trường hợp công ty con này không có khả năng trả nợ. Tổng số dư nợ vay được bảo lãnh tại ngày 31/12/2017 là 30,36 tỷ đồng tại ngày 31/03/2018 là 30,36, tỷ đồng.
- (iii) Tại Văn bản số 435/TCT-TCKT ngày 04/4/2011, Tổng Công ty cam kết bảo lãnh khoản vay Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Hà Nội cho Công ty Cổ phần Thép Sông Hồng số tiền 100 tỷ đồng, trong trường hợp công ty con này không có khả năng trả nợ. Tổng số dư nợ vay được bảo lãnh tại ngày 31/12/2016 là 100 tỷ đồng tại ngày 31/12/2017 là 100 tỷ đồng. Theo Bản án số 03/2017/KDTM-ST ngày 19/6/2017 của Tòa án Nhân dân quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội, theo đó Tổng Công ty Sông Hồng phải có nghĩa vụ trả nợ thay cho Công ty Thép Sông Hồng số tiền là: 261.878.051.607 đồng, (trong đó nợ gốc 95.438.288.472 đồng, nợ lãi trong hạn 4.058.000.020 đồng, nợ lãi quá hạn 162.381.763.115 đồng). Công ty đã thực hiện các thủ tục pháp lý kháng cáo bản án sơ thẩm trên, đến thời điểm 30/03/2018 Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội vẫn chưa xét xử phúc thẩm vụ án kinh doanh thương mại về việc tranh chấp Hợp đồng bảo lãnh giữa Công ty TNHH MTV Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam (VAMC) và Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG

Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/03/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

6.5 Báo cáo bộ phận

Theo lĩnh vực kinh doanh:

Doanh thu và lợi nhuận của Tổng Công ty trong năm chủ yếu phát sinh từ hoạt động xây lắp với tỷ trọng chiếm trên 90% của Tổng doanh thu và lợi nhuận. Do đó, Tổng Công ty không thực hiện trình bày Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

Theo khu vực địa lý:

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty chỉ phát sinh trên lãnh thổ Việt Nam nên Tổng Công ty không trình bày Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

6.6 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Tổng Công ty đã được kiểm toán.

Hà Nội, ngày 02 tháng 06 năm 2018

Người lập

Trần Thị Lụa

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Nhung

Tổng Giám đốc



Lã Tuấn Hưng

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG

Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/03/2018

PHỤ LỤC 01 – BỔ SUNG THÔNG TIN THUYẾT MINH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU**BIẾN ĐỘNG VỐN ĐIỀU LỆ CỦA TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG**

Giai đoạn từ 01/01/2018 đến 31/03/2018

| | Tại 01/01/2018 | Tăng | Giảm | Tại 31/03/2018 |
|-------------|-----------------|----------------|----------------|-----------------|
| Vốn điều lệ | 270.000.000.000 | 65.219.780.000 | 65.219.780.000 | 270.000.000.000 |

Chi tiết tình hình Giảm vốn điều lệ do bàn giao Trường Trung cấp Kỹ thuật – Nghiệp vụ Sông Hồng thuộc Tổng công ty cổ phần Sông Hồng về trực thuộc Bộ Xây dựng và tình hình Tăng vốn điều lệ bổ sung được trình bày tại mục A và B dưới đây.

A. TÌNH HÌNH GIẢM VỐN ĐIỀU LỆ**I. Cơ sở pháp lý**

Căn cứ Mục a Khoản 5 Điều 111 Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014.

Căn cứ Quyết định số 1549/QĐ-TTg ngày 8/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển Trường Trung cấp Kỹ thuật – Nghiệp vụ Sông Hồng thuộc Tổng công ty cổ phần Sông Hồng về trực thuộc Bộ Xây dựng;

Quyết định số 1075/QĐ-BXD ngày 21/09/2015 của Bộ Xây dựng về việc tiếp nhận Trường Trung cấp Kỹ thuật - Nghiệp vụ Sông Hồng thuộc Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng về trực thuộc Bộ Xây dựng;

Căn cứ Văn bản số 10040/BTC-TCDN ngày 20/7/2016 của Bộ Tài chính về việc Hướng dẫn bàn giao Trường Trung cấp kỹ thuật nghiệp vụ Sông Hồng về trực thuộc Bộ Xây dựng;

Biên bản bàn giao Trường Trung cấp Kỹ thuật – Nghiệp vụ Sông Hồng thuộc Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng về trực thuộc Bộ Xây dựng – Phần số liệu tài chính;

Căn cứ Văn bản số 8232/BKHĐT-PTCN ngày 5/10/2016 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc Hướng dẫn bàn giao Trường Trung cấp kỹ thuật nghiệp vụ Sông Hồng về trực thuộc Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng số 44/NQ-ĐHĐCĐ ngày 19/05/2017 chấp thuận cho phép Tổng công ty được bàn giao Trường trung cấp Kỹ thuật - Nghiệp vụ Sông Hồng về Bộ Xây dựng theo phương thức hoàn trả vốn góp, giảm vốn điều lệ;

Căn cứ Công văn số 1284/BXD-KHTC ngày 30/05/2018 của Bộ Xây dựng về việc Xác nhận vốn Nhà nước tại Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng khi bàn giao Trường Trung cấp Kỹ thuật – Nghiệp vụ Sông Hồng về Bộ Xây dựng quản lý theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG

Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/03/2018

PHỤ LỤC 01 – BỔ SUNG THÔNG TIN THUYẾT MINH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU**II. Giá trị vốn điều lệ ghi giảm**

Căn cứ vào các văn bản pháp lý và Nghị quyết đại hội Cổ đông nêu trên, Tổng Công ty ghi giảm vốn điều lệ theo hướng dẫn tại Văn bản số 10040/BTC-TCDN như sau:

| | | | |
|---------------------|-------------------------------------|----------------|----------------|
| Nợ TK 411 | - Vốn góp của Chủ sở hữu | 65.219.780.000 | |
| Nợ TK 2141 | - Khấu hao tài sản cố định hữu hình | 6.948.093.323 | |
| Nợ TK 331 | - Phải trả người bán | 510.993.000 | |
| Nợ TK 131 | - Người mua trả trước | 346.087.590 | |
| Nợ TK 333 | - Thuế phải nộp Nhà nước | 4.090.906 | |
| Nợ TK 334 | - Phải trả người lao động | 203.477.984 | |
| Nợ TK 336 | - Phải trả nội bộ | 120.415.235 | |
| Nợ TK 338 | - Phải trả khác ngắn hạn | 402.977.277 | |
| Có TK 111, 112 | - Tiền | | 1.360.617.226 |
| Có TK 331 | - Trả trước cho người bán | | 419.795.250 |
| Có TK 138 | - Phải thu ngắn hạn khác | | 261.404.000 |
| Có TK 152, 153, 154 | - Hàng tồn kho | | 341.462.823 |
| Có TK 211 | - Tài sản cố định hữu hình | | 35.285.526.516 |
| Có TK 213 | - Tài sản cố định vô hình | | 36.033.200.000 |
| Có TK 242 | - Chi phí trả trước dài hạn | | 53.909.500 |

Giá trị tài sản ròng của Trường Trung cấp Kỹ thuật – Nghiệp vụ Sông Hồng tại thời điểm bàn giao về Bộ Xây dựng: 65.219.780.509 đồng (theo số liệu kiểm toán tại thời điểm 30/09/2015).

Vốn điều lệ giảm 65.219.780.000 đồng (toàn bộ là Vốn cổ phần của Cổ đông Nhà nước).

Vốn điều lệ sau khi giảm là 204.780.220.000 đồng.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG

Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/03/2018

PHỤ LỤC 01 – BỔ SUNG THÔNG TIN THUYẾT MINH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

B. TÌNH HÌNH TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ

Để bổ sung vốn điều lệ tương ứng với phần vốn điều lệ đã ghi giảm, Tổng Công ty thực hiện phát hành cổ phiếu riêng lẻ theo Nghị quyết của Đại hội Cổ đông Tổng Công ty.

I. Cơ sở pháp lý

- Luật Chứng khoán ngày 29 tháng 06 năm 2006;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán ngày 24 tháng 11 năm 2010;
- Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 07 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán;
- Nghị quyết số 44/NQ-ĐHĐCĐ ngày 19/05/2017 của Đại hội đồng cổ đông Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng;
- Nghị quyết số 103a/NQ-HĐQT ngày 06/12/2017 của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng;
- Công văn số 289/UBCK-QLCB ngày 12/01/2018 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về Báo cáo kết quả chào bán cổ phiếu riêng lẻ của Tổng Công Ty Cổ phần Sông Hồng.

II. Thông tin chung về đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ

1. Tên cổ phiếu chào bán : **CỔ PHIẾU TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG**
2. Loại cổ phiếu : Cổ phiếu phổ thông, hạn chế chuyển nhượng trong vòng 01 năm kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán.
3. Mệnh giá : 10.000 đồng/ cổ phần.
4. Số lượng cổ phiếu đăng ký chào bán : **6.521.978** (Sáu triệu, năm trăm hai mươi một nghìn, chín trăm bảy mươi tám) cổ phiếu.
5. Tổng giá trị chào bán theo mệnh giá : **65.219.780.000** (Sáu mươi lăm tỷ, hai trăm mười chín triệu, bảy trăm tám mươi nghìn đồng) đồng.
6. Ngày bắt đầu chào bán : 29/12/2017
7. Ngày hoàn thành đợt chào bán : 05/01/2018

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG

Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/03/2018

PHỤ LỤC 01 – BỔ SUNG THÔNG TIN THUYẾT MINH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU**III. Tổng hợp kết quả chào bán cổ phiếu riêng lẻ**

(Việc thực hiện chào bán cổ phiếu riêng lẻ của Tổng Công ty được thực hiện theo Nghị quyết Đại Hội đồng Cổ đông thường niên năm 2017 số 44/NQ-ĐHĐCĐ ngày 19/05/2017 của Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng, Nghị quyết số 103a/NQ-HĐQT ngày 06/12/2017 của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng).

1. Tổng số cổ phiếu đã phân phối: 6.521.978 cổ phiếu, chiếm 100% tổng số cổ phiếu dự kiến chào bán.
2. Tổng số tiền thu được từ việc chào bán cổ phiếu: 65.219.780.000 đồng.
3. Tổng chi phí: 60.000.000 đồng (phí tư vấn thực hiện chào bán cổ phần riêng lẻ).
4. Tổng thu ròng từ đợt chào bán: 65.159.780.000 đồng.
5. Vốn điều lệ trước khi chào bán cổ phiếu riêng lẻ: 204.780.220.000 đồng.
6. Vốn điều lệ sau khi chào bán cổ phiếu riêng lẻ : 270.000.000.000 đồng.
7. Kết quả chào bán:

| STT | Tên nhà đầu tư | Số giấy CMND | Số lượng CP sở hữu trước đợt chào bán | Số lượng CP được phân phối | Tổng số lượng CP sở hữu sau đợt chào bán | Tỷ lệ sở hữu sau đợt chào bán |
|-----|------------------|--------------|---------------------------------------|----------------------------|--|-------------------------------|
| 1 | Lã Tuấn Hưng | 012165747 | 81.000 | 2.500.000 | 2.581.000 | 9,56% |
| 2 | Phan Việt Anh | 001075007229 | 10.000 | 4.021.978 | 4.031.978 | 14,93% |
| | Tổng cộng | | 91.000 | 6.521.978 | 6.612.978 | |

IV. Thông tin về cổ phiếu đăng ký chào bán

1. Tên cổ phiếu : Cổ phiếu Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng.
2. Loại cổ phiếu : Cổ phiếu phổ thông, hạn chế chuyển nhượng trong vòng 01 năm.
3. Mã chứng khoán : SHG
4. Mệnh giá : 10.000 đồng/cổ phiếu.
5. Tổng số cổ phiếu chào bán : 6.521.978 cổ phiếu.
6. Tổng giá trị đăng ký chào bán : 65.219.780.000 đồng.
7. Số lượng cổ phiếu niêm yết sau khi thay đổi : 27.000.000 cổ phiếu
8. Sàn giao dịch : Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG

Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/03/2018

PHỤ LỤC 01 – BỔ SUNG THÔNG TIN THUYẾT MINH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU**V. Cơ cấu vốn của tổ chức phát hành**

Cơ cấu vốn của tổ chức phát hành sau đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ

| STT | Danh mục | Số cổ phần | Giá trị (VND) | Tỷ lệ (%) |
|-----|-----------------------------|-------------------|------------------------|----------------|
| | Tổng vốn chủ sở hữu: | 27.000.000 | 270.000.000.000 | 100,00% |
| 1 | - Cổ đông trong nước | 27.000.000 | 270.000.000.000 | 100,00% |
| | Trong đó: | | | |
| 1.1 | - Cổ đông Nhà nước | 13.241.200 | 132.412.000.000 | 49,04% |
| 1.2 | - Cổ đông khác | 13.758.800 | 137.588.000.000 | 50,96% |

Danh sách và tỉ lệ sở hữu của các cổ đông lớn

| STT | Cổ đông | Số lượng cổ phiếu nắm giữ (cổ phần) | Tỷ lệ nắm giữ (%) |
|-----|----------------------|-------------------------------------|-------------------|
| 1 | Bộ Xây dựng | 13.241.200 | 49,04% |
| 2 | Phan Việt Anh | 4.031.978 | 14,93% |
| 3 | Phạm Thị Phương Thúy | 2.987.400 | 11,06% |
| 4 | Lã Tuấn Hưng | 2.581.000 | 9,56% |
| | Tổng | 22.841.578 | 84,60% |

Vốn điều lệ của Tổng Công ty trước và sau chào bán cổ phiếu riêng lẻ

| | Trước đợt chào bán | Tăng do chào bán | Sau đợt chào bán |
|-------------|--------------------|------------------|------------------|
| Vốn điều lệ | 204.780.220.000 | 65.219.780.000 | 270.000.000.000 |

Người lập



Trần Thị Lụa

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Nhung

Hà Nội, ngày 02 tháng 06 năm 2018

Tổng Giám đốc



Lã Tuấn Hưng

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG

Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/03/2018

PHỤ LỤC 02 – BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN CỦA TRƯỜNG TRUNG CẤP KỸ THUẬT – NGHIỆP VỤ SÔNG HỒNG TẠI THỜI ĐIỂM BÀN GIAO VỀ BỘ XÂY DỰNG 30/09/2015

Mẫu B 01-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 30 tháng 09 năm 2015

| | MS | TM | 30/09/2015 VND | 01/01/2015 VND |
|--|------------|----|-----------------------|-----------------------|
| A - TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 2.383.279.299 | 2.093.995.467 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | | 1.360.617.226 | 1.281.468.717 |
| 1. Tiền | 111 | | 1.360.617.226 | 1.281.468.717 |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 681.199.250 | 812.526.750 |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | | 419.795.250 | 569.456.750 |
| 6. Phải thu ngắn hạn khác | 136 | | 261.404.000 | 243.070.000 |
| IV. Hàng tồn kho | 140 | | 341.462.823 | - |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | | 341.462.823 | - |
| B - TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 64.424.542.693 | 64.645.574.892 |
| II. Tài sản cố định | 220 | | 64.370.633.193 | 64.500.680.305 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | | 28.337.433.193 | 28.467.480.305 |
| - Nguyên giá | 222 | | 35.285.526.516 | 35.662.338.516 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 223 | | (6.948.093.323) | (7.194.858.211) |
| 3. Tài sản cố định vô hình | 227 | | 36.033.200.000 | 36.033.200.000 |
| - Nguyên giá | 228 | | 36.033.200.000 | 36.033.200.000 |
| VI. Tài sản dài hạn khác | 260 | | 53.909.500 | 144.894.587 |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | | 53.909.500 | 144.894.587 |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200) | 270 | | 66.807.821.992 | 66.739.570.359 |

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG

Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/03/2018

PHỤ LỤC 02 – BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN CỦA TRƯỜNG TRUNG CẤP KỸ THUẬT – NGHIỆP VỤ SÔNG HỒNG TẠI THỜI ĐIỂM BÀN GIAO VỀ BỘ XÂY DỰNG 30/09/2015

Mẫu B 01-DN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 30 tháng 09 năm 2015**

| | MS | TM | 30/09/2015 VND | 01/01/2015 VND |
|--|------------|----|-----------------------|-----------------------|
| C- NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 1.588.041.483 | 2.524.773.112 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 1.588.041.483 | 2.524.773.112 |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | | 510.993.000 | 779.429.788 |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | | 346.087.590 | 998.053.508 |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | | 4.090.906 | 545.455 |
| 4. Phải trả người lao động | 314 | | 203.477.984 | 195.000.000 |
| 6. Phải trả nội bộ ngắn hạn | 316 | | 120.415.235 | 120.415.235 |
| 9. Phải trả ngắn hạn khác | 319 | | 402.976.768 | 431.329.126 |
| D- VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 65.219.780.509 | 64.214.797.247 |
| I- Vốn chủ sở hữu | 410 | | 64.158.039.982 | 63.943.548.679 |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu | 411 | | 64.147.761.067 | 64.147.761.067 |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | 411a | | 64.147.761.067 | 64.147.761.067 |
| 10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | | 10.278.915 | (204.212.388) |
| - LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước | 421a | | (204.212.388) | (207.554.469) |
| - LNST chưa phân phối kỳ này | 421b | | 214.491.303 | 3.342.081 |
| II- Nguồn kinh phí và quỹ khác | 430 | | 1.061.740.527 | 271.248.568 |
| 1. Nguồn kinh phí | 431 | | 931.046.083 | 140.554.124 |
| 2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ | 432 | | 130.694.444 | 130.694.444 |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400) | 440 | | 66.807.821.992 | 66.739.570.359 |

